ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNGMẦM NON 2/9**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG MẦM NON 2/9**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh,** **chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Ngô Thị Chí Hiếu | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng |  |
| 2 | Trần Thị Thuận | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
| 3 | Nguyễn Thị Thu Lan | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
| 4 | Trần Thị Thanh Thảo | Giáo viên | Thư ký hội đồng |  |
| 5 | Hồ Thị Ngọc Bích | Giáo viên | Ủy viên hội đồng |  |
| 6 | Phan Thị Kim Chi | Kế toán | Ủy viên hội đồng |  |
| 7 | Trần Võ Dạ Lý Hương | Giáo viên | Ủy viên hội đồng |  |
| 8 | Nguyễn Thị Kim Xuyến | Giáo viên | Ủy viên hội đồng |  |
| 9 | Nguyễn Huỳnh Minh Thư | Giáo viên | Ủy viên hội đồng |  |
| 10 | Đặng Sơn Hòa | Giáo viên | Ủy viên hội đồng |  |
| 11 | Hồ Thị Ngọc Tuyền | Y tế | Ủy viên hội đồng |  |
| 12 | Nguyễn Thị Hồng | Giáo viên | Ủy viên hội đồng |  |
| 13 | Ninh Thị Uyên | Giáo viên | Ủy viên hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 3 |
| Phần I.CƠ SỞ DỮ LIỆU | 5 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 11 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 11 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 13 |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường | 13 |
| Mở đầu | 13 |
| Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. | 13 |
| Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác. | 16 |
| Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường. | 18 |
| Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng. | 22 |
| Tiêu chí 1.5. Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo. | 25 |
| Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản. | 27 |
| Tiêu chí 1.7. Quản lýcán bộ, giáo viên và nhân viên. | 29 |
| Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục. | 32 |
| Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. | 34 |
| Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. | 36 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 38 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên** | 40 |
| **Mở đầu** | 40 |
| Tiêu chí 2.1. Đối vớiHiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. | 40 |
| Tiêu chí 2.2. Đối vớigiáo viên. | 42 |
| Tiêu chí 2.3. Đối vớinhân viên. | 46 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 48 |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. | 48 |
| Mở đầu | 48 |
| Tiêu chí 3.1. Diện tích, khuôn viên và sân vườn. | 48 |
| Tiêu chí 3.2. Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập. | 52 |
| Tiêu chí 3.3. Khối phòng hành chính - quản trị. | 54 |
| Tiêu chí 3.4. Khối phòng tổ chức ăn. | 56 |
| Tiêu chí 3.5. Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi. | 58 |
| Tiêu chí 3.6. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước. | 60 |
| *Kết luậnvề Tiêu chuẩn 3* | 63 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 64 |
| Mở đầu | 64 |
| Tiêu chí 4.1. Ban đại diện cha mẹ trẻ. | 64 |
| Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường. | 67 |
| *Kết luậnvề Tiêu chuẩn 4* | 69 |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc,giáo dục trẻ. | 70 |
| Mở đầu | 70 |
| Tiêu chí 5.1. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. | 71 |
| Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. | 74 |
| Tiêu chí 5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ. | 76 |
| Tiêu chí 5.4. Kết quả giáo dục. | 79 |
| *Kết luậnvề Tiêu chuẩn 5* | 81 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 82 |
| Phần IV. PHỤ LỤC |  |

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

**1. Kết quả đánh giá**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,****tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.4 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.6 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 2.3 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.4 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.5 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 4.2 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.3 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | x | x |  |

**Kết quả:** Đạt Mức 2.

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức 2.

# Phần I

# CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non 2/9

Tên trước đây: Trường Mẫu giáo Măng non 2/9

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Hồ Chí Minh |  | Họ và tênhiệu trưởng | Ngô Thị Chí Hiếu |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Hóc Môn |  | Điện thoại | 028.38824843 |
| Xã /phường/thị trấn | Thới Tam Thôn |  | Fax | không |
| Đạt CQG | Không |  | Website | <https://mn2thang9>hocmon.hcm.edu.vn |
| Nămthànhlậptrường (theoquyết địnhthànhlập) | 2009 |  | Số điểm trường | 1 điểm chính |
| Công lập | x |  | Loại hình khác | không |
| Tư thục | không |  | Thuộc vùng khó khăn | không |
| Dân lập | không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | không |
| Trường liên kết với nước ngoài | không |  |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| Nhóm trẻ từ 6 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 18 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhóm trẻ từ 19 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 |
| Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | 3 | 4 | 4 | 5 | 5 |
| Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi | 6 | 5 | 5 | 6 | 6 |
| **Cộng** | **12** | **12** | **12** | **17** | **17** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| **I** | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 12 | 12 | 12 | 20 | 20 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 12 | 12 | 12 | 20 | 20 |  |
| 2 | Phòngbán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòngtạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng phục vụ học tập | 1 | 1 | 1 | 3 | 4 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 1 | 1 | 1 | 3 | 4 |  |
| 2 | Phòngbán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòngtạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Khối phòng hành chính quản trị  | 3 | 3 | 3 | 10 | 10 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 3 | 10 | 10 |  |
| 2 | Phòngbán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòngtạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **IV** | Khối phòng tổ chức ăn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **V** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
|  | **Cộng** | **16** | **16** | **16** | **31** | **32** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 01/2020

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 0 | 0 | 0 | 01 |  |
| Phó Hiệu trưởng | 02 | 02 | 0 | 0 | 0 | 02 |  |
| Giáo viên | 43 | 43 | 01 | 0 | 07 | 36 |  |
| Nhân viên | 15 | 13 | 00 | 0 | 14 | 01 |  |
| **Cộng** | **61** | **58** | **01** | **0** | **21** | **40** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 25 | 25 | 25 | 37 | 34 |
| 2 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 30/215% | 30/2 15% | 30/2 15% | 92/615% | 75/613% |
| 3 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)* | 451/2320% | 425/2318% | 450/2319% | 531/2918% | 573/2820% |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 02 | 03 | 01 | 00 | 06 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 481 | 455 | 476 | 623 | 648 |  |
| *- Nữ* | 228 | 217 | 212 | 303 | 312 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 4 | 2 | 5 | 4 | 3 |  |
| 2 | Đối tượng chính sách | 5 | 2 | 2 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khuyết tật | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4 | Tuyển mới | 270 | 245 | 260 | 281 | 250 |  |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 481 | 455 | 476 | 623 | 648 |  |
| 6 | Bán trú | 481 | 455 | 476 | 623 | 648 |  |
| 7 | Tỉ lệ trẻ em/lớp | 41 | 39 | 41 | 38 | 41 |  |
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm | 30 | 31 | 26 | 30 | 25  |  |
| 9 | Trẻ em từ 06 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  Trẻ em từ 13 đến 18 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Trẻ em từ 19 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 28 | 20 |  |
| - Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 30 | 31 | 26 | 64 | 55 |  |
| - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 77 | 80 | 86 | 107 | 159 |  |
| - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 123 | 155 | 148 | 185 | 165 |  |
| - Trẻ em từ 5-6 tuổi | 248 | 189 | 216 | 239 | 249 |  |

# Phần II

# TỰ ĐÁNH GIÁ

# A. ĐẶT VẤN ĐỀ

# 1. Tình hình chung của nhà trường

# Trường Mầm non 2/9 được thành lập từ năm 1996 với tên gọi Trường Mẫu Giáo Măng Non 2/9,đến tháng 02 năm 2009 trường được đổi tên thành Trường Mầm non 2/9 theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2009 do Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn cấp. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, trường được xây mới khang trang, sạch đẹp tại địa chỉ 100E ấp Thới Tứ 1, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn và đưa vào sử dụng từ đầu năm học 2017-2018, cùng với hệ thống trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho công tác chăm sóc và giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục hiện nay.

# Nhà trường luôn được sự quan tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn cũng như chính quyền các cấp. Chi bộ Đảng hoạt động dưới sự quản lý của Đảng uỷ xã Thới Tam Thôn huyện Hóc Môn. Đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ cho hoạt động của nhà trường. Sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ tốt về mặt tinh thần tạo động lực cho đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, giúp nhà trường nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, Công đoàn và Chi đoàn đạt vững mạnh xuất sắc.

# Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, luôn nhiệt tình, năng động sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ, tạo được niềm tin với các cấp lãnh đạo, cha mẹ trẻ và toàn xã hội. Đó cũng là nguồn động lực giúp cho đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

# 2. Mục đích tự đánh giá

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như hiện nay, Trường Mầm non 2/9 đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non theo nội dung tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Qua đó,giúp nhàtrường chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu đối với công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ đó đề ra kế hoạch cải tiến phù hợp với tình hình thực tế nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đồng thời thông báo công khai với cơ quan nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của đơn vị là cơ sở để huy động sự chung tay của toàn xã hội đầu tư cho giáo dục mầm non.

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Để thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt hiệu quả vào tháng 1/2020 nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 13 thành viên với đầy đủ các thành phần: cán bộ quản lý, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, tổ trưởng chuyên môn giáo viên, y tế, kế toán, trưởng ban thanh tra nhân dân. Hội đồng tự đánh giá phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực của mỗi người để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

* Thành lập Hội đồng tự đánh giá vào tháng 01/ 10 /2019.
* Xây dựng kế hoạch tự đánh giá và triển khai đến toàn trường nhằm thực hiện tốt công tác tự đánh giá tại đơn vị.
* Từ ngày 02/12/2019 đến ngày 20/12/2019cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được chia ra 3 nhóm làm việc: Thu thập, xử lý, phân tích và lưu trữ thông tin minh chứng.
* Từ ngày 23/12 /2019 đến ngày 31/12/2019các thành viên Hội đồng tự đánh giá viết phiếu đánh gía các tiêu chí, xem xét, kiểm tra các nhóm hoạt động. Thảo luận các nội dung để bổ sung và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
* Viết báo cáo tự đánh giá tháng 1/2020.
* Công bố báo cáo tự đánh giá qua buổi họp hội đồng nhà trường và bảng tin đoàn thể vào tháng 1/2020 để lấy ý kiến góp ý sau đó hoàn thiện báo cáo.
* Hoàn thành báo cáo tự đánh giá vào tháng 2/2020.
* Kết quả đạt được trong quá trình tự đánh giá chất lượng giáo dục khôngchỉ dừng lại ở việc hoàn tất các thủ tục của quy trình kiểm định chất lượng giáo dục mà quan trọng hơn là giúp cho nhà trường có cơ sở đánh giá chính xác và thực hiện việc điều chỉnh các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục một cách toàn diện.

# B. TỰ ĐÁNH GIÁ

# Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

# Mở đầu:

Trường Mầm non 2/9 có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhiệm kỳ 2018- 2021, được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn ký duyệt. Có bộ máy, cơ cấu tổ chức hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản; quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; tổ chức nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đúng theo quy định; quản lý các hoạt động giáo dục; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở theo quy định; luôn chú trọng công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ em trong đơn vị. Xây dựng và thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích trong trường mầm non.

# *Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường*

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường có xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trườngnhằm nâng cao chất lượng trong nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ, giúp trẻ em phát triển toàn diện các lĩnh vực, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp Một phù hợp với mục tiêu giáo dục của luật giáo dục [H1-1.1-01]. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn như: Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, tổ chức các hoạt động trong nhà trường được đổi mới tích cực, hiệu quả [H1-1.1-02]. Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với các nguồn lực nhà trường như: Phát huy tốt vai trò lãnh đạo; luôn nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, phụ huynh về công tác xã hội hóa giáo dục; có định hướng và có kế hoạch cụ thể cho công tác huy động các nguồn lực; sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích và có hiệu quả các nguồn lực; công khai các nguồn lực đã huy động. Tuy nhiên, trong kế hoạch chiến lược nhà trường chưa có kế hoạch mở các nhóm nhà trẻ từ 6 – 18 tháng[H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trườngđã trình và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn ký duyệt và triển khai thực hiện từ năm học 2018-2019 [H1-1.1-01].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được triển khai trong đội ngũ thông qua các buổi họp đầu năm học, niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, hình thức công khai chưa được thực hiện trên cổng thông tin điện tử nhà trường, chưa được công khai rộng rãi để cộng đồng xã hội tham gia góp ý xây dựng.

Mức 2

Hiệu trưởng chỉ đạo Công đoàn, ban Thanh tra nhân dân nhà trường giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển từng năm học định kỳ theo kế hoạch hằng tháng, hằng quý và học kỳ: Giám sát nguồn thu, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của đội ngũ; sự phát triển của trẻ theo từng lĩnh vực; công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi…từ đó rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra biện pháp khả thi, điều chỉnh các biện pháp chưa đạt hiệu quả trong phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường[H1-1.1-04].

Mức 3:

Căn cứ kết quả cuối năm học cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cùng nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Đầu năm học nhà trường tổ chức các cuộc họp và có các biên bản họp dựa trên kết quả thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển của năm học trước, có sự tham gia đầy đủ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, chưa có sự tham gia đóng góp của cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

**2. Điểm mạnh**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trườngcơ bản có định hướng cụ thể, phù hợp với thực trạng của đơn vị, địa phương qua từng giai đoạn được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và được công khai đến đội ngũ cán bộ, giáo viên nhân viên trong đơn vị. Nhà trường tiến hành giám sát tốt bổ sung, điều chỉnh kịp thời việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển trong từng năm học và có sự tham gia đầy đủ các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

**3. Điểm yếu**

Trong kế hoạch chiến lược nhà trường chưa có kế hoạch mở các nhóm nhà trẻ từ 6 – 18 tháng. Hình thức công khai phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chưa đa dạng, chưa công khai rộng rãi trên cổng thông tin điện tử, chưa có sự tham gia đóng góp của cha mẹ học sinh và cộng đồng

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 nhà trường phân công phó hiệu trưởng thực hiện công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trên cổng thông tin điện tử, bảng tin tuyên truyền,phát thanh tuyên truyền… đến cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội cũng như tiếp thu sự tham gia đóng góp của cha mẹ học sinh và cộng đồng. Nhà trường thực hiện kế hoạch tuyển sinh các nhóm lớp từ 6- 18 tháng đáp ứng nhu cầu ra lớp của trẻ tại địa phương

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

# *Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác.*

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Mầm non 2/9 có thành lập hội đồng trường với 09 thành viên[H1-1.2-01]. Bên cạnh đó, nhà trường có các hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học như: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm sáng kiến [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm giáo viên giỏi cấp trường [H1-1.2-04]… Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập đúng theo quy định tại Văn bản 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định ban hành Điều lệ trường mầm non.

Hội đồng trường và hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, chịu trách nhiệm với: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường;công tác huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực phát triển nhà trường; gắn kết nhà trường với cộng đồng và xã hội; bảo đảm thực hiện đúng theo kế hoạch năm học đã đề ra; phong trào thi đua nhà trường; chất lượng chuyên môn và đội ngũ giáo viên giỏi [H1-1.1-04]; [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Hội đồng trường họp thường kỳ hai lần trong một năm học để rà soát, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ theo quy định [H1-1.2-01]. Các Hội đồng khác được họp vào cuối học kỳ I và cuối năm học nhằm giúp Hiệu trưởng rà soát đánh giá việc tổ chức tốt phong trào thi đua;chấm giáo viên giỏi; xét và công nhận sáng kiến; đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viêntrong nhà trường [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng trường và các Hội đồng khác còn triệu tập những phiên họp bất thườngđể giải quyết kịp những vấn đề phát sinh, cấp bách tại đơn vị.

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác thực hiện có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như: Luôn giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường không để xảy ra trường hợp đội ngũ giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh thắc mắc, kiện thưa tố cáo nhà trường vi phạm Quy chế dân chủ. Tổ chức tốt phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực thực hiện tốt các phong trào trong đội ngũ. Hỗ trợ nhà trường xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi, xét sáng kiến đúng thời gian quy định [H1-1.1-04]. Hằng năm, thành viên trong Hội đồng trường luôn có sự thay đổi (do điều chuyển nhân sự để điều hòa chất lượng cho ngành học) nên công tác phối hợp và kiểm tra, rà soát của các thành viên trong Hội đồng trường còn gặp nhiều khó khăn.

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập theo quy định, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn. Định kỳ rà soát, đánh giá các phong trào thi đua và tình hình hoạt động của nhà trường để Hội đồng trường và các Hội đồng khác hoạt động có hiệu quả hơn, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

**3. Điểm yếu**

Các thành viên trong Hội đồng trường luôn có sự thay đổi, nên công tác phối hợp và kiểm tra, rà soát định kỳ của các thành viên trong Hội đồng trường còn gặp nhiều khó khăn nên hiệu quả chưa đạt mức tối đa.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019-2020, Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên cần nắm bắt năng lực của đội ngũ giáo viên, nhân viên trong đơn vị, tham mưu đưa vào các Hội đồng trường những thành viên vững chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm để giúp việc cho Hội đồng trường và các Hội đồng khác. Quản lý tốt công tác bàn giao khi có sự thay đổi nhân sự trong Hội đồng để đảm bảo tính kế thừa và phối hợp hỗ trợ nhân sự mới để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

# *Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường*.

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có các đoàn thể và các tổ chức khác với cơ cấu tổ chức theo quy định: Công đoàn nhà trường được Ban chấp hành Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn ra Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Công đoàn theo Quyết định số 211/QĐ-LĐLĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 [H1-1.3-01]; Chi đoàn trường được Ban chấp hành Đoàn xã Thới Tam Thôn ra Quyết định chuẩn y theo quyết định số 18-QĐ/ĐTN của Ban chấp hành Đoàn xã Thới Tam Thôn,ngày 20 tháng 12 năm 2018 với 18 đoàn viên [H1-1.3-02]; ngoài ra nhà trường còn có Chi hội khuyến học [H1-1.3-03] và Hội chữ thập đỏ [H1-1.3-04].

Nhà trường có các đoàn thể và tổ chức khác hoạt động đúng theo quy định của Nghị quyết, Điều lệ đã đề ra trong từng năm học, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Hằng năm, các hoạt động của các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá kịp thời để chỉ đạo đội ngũ thực hiện đúng theo Nghị quyết, kế hoạch đã đề ra. Qua đó có kiến nghị, đề xuất và phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và các tổ chức kinh tế - xã hội giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác tại đơn vị theo quy trình dân chủ, công khai, đúng nguyên tắc [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

 Trường Mầm non 2/9 có Tổ chức Đảng trực thuộc Đảng ủy xã Thới Tam Thôn với cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam. Bí thư Chi bộ là Hiệu trưởng nhà trường, Chi bộ có 16 đảng viên,Chi ủy gồm có 01 bí thư và 01 phó bí thư, 01 chi ủy viên thuận lợi cho việc sinh hoạt Chi bộ và tổ chức các hoạt độngsinh hoạt thường lệ mỗi tháng một lần. Chi bộ nhà trường luôn chấp hành đường lối, chính sách của Ðảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng Chi bộ, lãnh đạo chính quyền trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; lãnh đạo đơn vị thực hiện nhiệm vụ giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; thu, nộp đảng phí đúng quy định[H1-1.3.05]. Năm 2017 Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh; năm 2018 hoàn thành tốt nhiệm vụ và năm 2019 hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3.06].

Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường cũng như của địa phương. Công đoàn tích cực đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động của công đoàn; chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị; tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật. Chi đoàn trường tích cực chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích của đoàn viên; tổ chức các hoạt động, tạo môi trường giáo dục, rèn luyện đoàn viên nhằm góp phần thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị; phối hợp với chính quyền, các đoàn thể làm tốt công tác thanh niên, chăm lo xây dựng tổ chức Đoàn ở đơn vị.Hằng năm, Hội chữ thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của Hội chữ thập đỏ huyện Hóc Môn, hội viên tích cực trong công tác hiến máu nhân đạo [H1-1.3-04]. Hội khuyến học nhà trường phối hợp cùng địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ hoạt động của mình[H1-1.3-05]. Hội khuyến học và hội chữ thập đỏ tổ chức các hoạt động chưa phong phú, chưa tranh thủ sự ủng hộ về vật chất của tổ chức ngoài nhà trường để phát triển đơn vị [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 3:

Từ năm 2014 đến năm 2016 Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2017 Chi bộ nhà trường đạt trong sạch vững mạnh, năm 2018 đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2019 Chi bộ nhà trường đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Bên cạnh đó,03 đảng viên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019; Đảng bộ xã Thới Tam Thôn; Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn khen tặng chi bộ và 02 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện dân vận khéo; Chi bộ đạt giải khuyến khích hội thi Hồ Chí Minh- Sáng ngời niềm tin năm 2017;là đơn vị điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức,phong cách Hồ Chí Minh năm 2017-2018[H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Các đoàn thể, tổ chức khác trong những năm học qua đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng được các cấp lãnh đạo công nhận và khen tặng [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

**2. Điểm mạnh**

Các đoàn thể, tổ chức Chi bộ, Chi đoàn, Công đoàn, Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đóng góp tích cực cho các phong trào của nhà trường và cộng đồng từ năm 2014 đến nay, tạo nên nhiều thành tích nổi bật cho nhà trường. Hằng năm, hoạt động của các tổ chức, đoàn thể đều được rà soát, đánh giá để thực hiện đúng theo nghị quyết, kế hoạch đã đề ra giúp nâng cao hiệu quả của nhà trường

**3. Điểm yếu**

Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ tổ chức các hoạt động chưa phong phú, chưa tranh thủ sự ủng hộ về vật chất của tổ chức ngoài nhà trường để phát triển đơn vị.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức của các đoàn thể và các tổ chức khác hoạt động ổn định đúng theo quy định, giữ vững các danh hiệu, thành tích đã đạt được. Ban chấp hành các đoàn thể, các tổ chức của nhà trường thường xuyên liên hệ mật thiết với các tổ chức chính trị - chính trị xã hội địa phương phối hợp cùng tổ chức các hoạt động đa dạng phong phú để đạt hiệu quả cao hơn việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng cho đội ngũ và học sinh tốt hơn để đem lại hiệu quả trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, phát triển nhà trường cũng như tổ chức nhiều phong trào thiết thực hơn cho cộng đồng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

# *Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng*

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3*:*

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Mầm non 2/9 được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn công nhận trường hạng I với cơ cấu một Hiệu trưởng và hai Phó Hiệu trưởng [H1-1.4-01]. Hiệu truởng là bà Ngô Thị Chí Hiếu được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng theo Quyết định 953/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2019 [H1-1.4-02]; Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng là bà Nguyễn Thị Thu Lan được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn công nhận theo Quyết định 380/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2008 [H1-1.4-03]; Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục là bà Trần Thị Thuận được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn công nhận theo Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2017 [H1-1.4-04].

Hằng năm, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập 05 tổ chuyên môn (tổ nhà trẻ; tổ 3-4 tuổi; tổ 4-5 tuổi; tổ 5-6 tuổi; tổ cấp dưỡng) và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn có 50 người: 43giáo viênvà 07 nhân viêncấp dưỡng, trong đó có05 tổ trưởng, 05 tổ phó; Tổ văn phòng gồm 11 nguời trong đó có: 03 cán bộ quản lý, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên kế toán, 03nhân viên bảo vệ,03 nhân viên phục vụ [H1-1.4-05]. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định tại Văn bản hợp nhất 04/VBHN-BGDĐT năm 2015 hợp nhất Quyết định về Điều lệ trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Hằng năm, tổ chuyên môn, tổ văn phòng có xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng hiệu quả trong công tác của đội ngũ;giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ, sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định:Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đồng thời đề xuất khen thưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt công việc được phân công [H1-1.4-06].

Mức 2:

Năm học 2016-2017 tổ chuyên môn thực hiện 01 chuyên đề cấp trường “Đổi mới hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non”; Năm học 2017-2018tổ chuyên môn thực hiện 02 chuyên đề cấp trường“ Đổi mới hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ trong trường mầm non”,chuyên đề“Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong trường mầm non” và 01 chuyên đề cấp huyện“Tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ trong trường mầm non”; Năm học 2018-2019tổ chuyên môn tiếp tục thực hiệnchuyên đề “ Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong trường mầm non” và “ Nâng cao hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non”;theo sự chỉ đạo của Phòng Giáo dụcthực hiện chuyên đề “ Tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ”.Tuy nhiên, còn một số thành viên trong tổ chưa mạnh dạn đề xuất ý kiến, các biện pháp sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động cho trẻ trong các buổi sinh hoạt tổ [H1-1.4-07].

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức họp định hai lần trong tháng đúng theo quy định. Qua các buổi họp tổ chuyên môn và tổ văn phòng luôn rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động trong tổ cho phù hợp với tình hình thực tế: Điều chỉnh bổ sung hoạt động khi có sự thay đổi từ Phòng Giáo dục và Đào tạo; cán bộ quản lý nhà trường, bổ sung nội dung dự giờ chuyên môn khi tổ viên chưa nắm vữngphương pháp thực hiện… đem lại hiệu quả trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.1-04].

Mức 3:

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt định kỳ: Nội dung sinh hoạt của tổ, nhóm chuyên môn phong phú, đa dạng giúp kỹ năng sư phạm của giáo viên được nâng lên. Tổ chức tốt giờ thao giảng cho giáo viên tham dự rút kinh nghiệm trong giảng dạy. Cấp dưỡng và giáo viên phối hợp thực hiện tốt chuyên đề nâng cao hiệu quả bữa ăn cho trẻ… [H1-1.4-06]; [H1-1.4-08].

Các tổ chuyên môn luôn tích cực thực hiện các chuyên đề được giao theo kế hoạch của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dương, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị, được Phòng Giáo dục và Đạo tạo huyện đánh giá cao và được chọn lên các chuyên đề cấp huyện để đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường trong huyện tham gia học tập, chia sẽ kinh nghiệm lẫn nhau[H1-1.1-04]; [H1-1.4-07].

**2. Điểm mạnh**

Trường có Hiệu trưởng, hai phó hiệu trưởng theo quy định. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức đúng quy định, sinh hoạt định kỳ để rà soát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của tổ phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều có kế hoạch hoạt động, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường cũng như góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị

**3. Điểmyếu**

Còn một số thành viên trong tổ chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến, đề xuất các biện pháp sáng tạo để tổ chức các hoạt động phong phú hơn cho trẻ trong các buổi sinh hoạt tổ

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo nhà trường duy trì cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn và phát huy tốt vai trò của tổ trưởng chuyên môn trong hoạt động tổ, thường xuyên đổi mới hình thức sinh hoạt tổ để các thành viên trong tổ có nhiều cơ hội đóng góp ý kiến xây dựng hoạt động của tổ sôi nổi và đạt hiệu quả cao hơn. Động viên các thành viên trong tổ mạnh dạn đề xuất các biện pháp mới; khuyến khích, tạo điều kiện để giáo viên thực hiện các đề xuất của mình vào thực tế giúp nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Đề xuất với Hội đồng thi đua khen thưởng tuyên dương các cá nhân, các tổ thực hiện tốt chuyên đề

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

# *Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo*

Mức 1:

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

Mức 3:

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo*.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Năm học 2019-2020 trường có 03 nhóm nhà trẻ và 17 lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi đúng theo quy định: 01 nhóm 19-24 tháng tuổi,02 nhóm 25-36 tháng tuổi, 05 lớp 3-4 tuổi; 06 lớp 4-5 tuổi; 06 lớp 5-6 tuổi. Nhà trường không có trẻ học lớp ghép[H1-1.5-01].

Trường có 580/580trẻ đạt tỷ lệ 100% trẻ ở nhóm nhà trẻ, lớp mẫu giáo, đạt tỷ lệ 100% học hai buổi/ngày theo quy định tại Văn bản hợp nhất 04/VBHN-BGDĐT năm 2015 hợp nhất Quyết định về Điều lệ trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành[H1-1.5-02].

Trường không có trẻ khuyết tật học hoà nhập.

Mức 2:

Trong năm học 2019-2020, nhà trường nhận trẻ đúng theo Kế hoạch số3293/KH-UBND-GDĐT ngày 28/6/2019của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Mônvề việc tuyển sinh năm học 2019-2020. Trường đảm bảo 580/580trẻ, tỷ lệ 100% trẻ được phân chia vào nhóm, lớp phù hợp theo độ tuổi [H1-1.5-04].

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhóm/lớp | Số lượng nhóm/ lớp | Số lượng trẻ |
| Nhóm trẻ 19-24 tháng tuổi | 01 nhóm | 17 trẻ/ 1 nhóm |
| Nhóm trẻ 25-36 tháng tuổi | 02 nhóm | 24 trẻ/ 1 nhóm |
| Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi | 05 lớp | 25 trẻ/1 lớp |
| Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | 06 lớp | 30 trẻ/ 1 lớp |
| Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi | 06 lớp | 35 trẻ/ 1 lớp |

Mức 3:

Năm học 2019-2020 nhà trường có 20 nhóm lớp trong đó: 03 nhóm nhà trẻ và 17 lớp mẫu giáo không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định.[H1-1.5-01]

**2. Điểm mạnh**

Trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi và được tổ chức học hai buổi trên ngày. Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Số trẻ trong từng nhóm, lớp đúng theo quy định và đảm bảo trường không vượt quá 20 nhóm lớp

**3. Điểm yếu**

Chưa có mở được nhóm 12-18 tháng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì phân chia các nhóm, lớp đúng theo độ tuổi và đảm bảo sĩ số trong từng nhóm lớp đúng theo qui định. Năm học 2020-2021 Hiệu trưởng lập kế hoạch và tham mưu với các cấp lãnh đạo tăng cường điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị phù hợp để trường mở thêm nhóm 12-18 tháng.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3

# *Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản*

Mức 1*:*

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định của Luật văn thư lưu trữ số: 01/2011/QH13 của Quốc hội ngày 11 tháng 11 năm 2011. Hồ sơ luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về dữ liệu thông tin đầu vào, bảo đảm tính kế thừa, tính thống nhất, độ xác thực, an toàn và khả năng truy cập; được bảo quản và sử dụng theo phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ không để xảy ra tình trạng mất mát, thất lạc hồ sơ [H1-1.6-01]; [H1-1.1-04]; [H1-1.6-02].

Trong những năm học qua, nhà trường có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Quốc hội; Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003. Hằng năm, nhà trường có thực hiện công khai về tình hình tài chính, chế độ thu chi của nhà trườngthông qua các cuộc họp hội đồng, họp phụ huynh, bảng thông tin nhà trường đến toàn thể đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phụ huynh.Trong quá trình kiểm tra, nếu có vấn đề phát sinh, bộ phận kế toán trình hiệu trưởng, để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp và chính xác theo quy định [H1-1.6-03].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục: Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành như lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; kiểm kê tài sản hàng năm, kê khai tăng giảm tài sản trong sổ sách, lên kế hoạch từng bước trang bị, mua sắm trang thiết bị trong danh mục và ngoài danh mục để bổ sung trang thiết bị kịp thời nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].

Mức 2:

Nhà trường luôn ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường: Sử dụng phần mềm Imas để quản lý tài chính [H1-1.6-05], biên bản kiểm kê tài sản[H1-1.6-06].

Trong 5 năm qua nhà trường luôn được Phòng Tài chánh Kế hoạch huyện Hóc Môn kiểm tra về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản kết quả kiểm tra cho thấy nhà truờng không có dấu hiệu vi phạm trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-02]; [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Kế hoạch luôn phản ánh đầy đủ các chi tiết của các nguồn thu, mức thu phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, chế độ tài chính theo quy định. Nhà trường chỉ có kế hoạch ngắn hạn chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp và phù hợp [H1-1.6-03]; [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện việc quản lý tài chính rõ ràng có đầy đủ hệ thống văn bản quy định và quy chế chi tiêu nội bộ, lập dự toán và thực hiện thu chi minh bạch, quyết toán và báo cáo tài chính đúng tiến độ, việc thực hiện lưu trữ hồ sơ, quản lý chứng từ tài chính được sắp xếp khoa học. Công khai tài chính theo đúng quy định

**3. Điểm yếu**

 Chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng sẽ tham mưu chính quyền địa phương, Ban đại diện Cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

# *Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên*

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường*.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, Hiệu trưởng và hai Phó Hiệu trưởng có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên qua đó nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ[H1-1.7-01]. Bồi dưỡng các chuyên đề: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Xây dựng khối đòan kết nội bộ tại đơn vị” [H1-1.3-05]; tổ chức hướng dẫn cho giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục từng năm học; tổ chức thao giảng các giờ học, giờ chơi, tổ chức bữa ăn, tổ chức chăm sóc nuôi dưỡng trẻ [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03] tổ chức cho đội ngũ tham gia học tập bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.7-04]; Cán bộ giáo viên nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng do Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức[H1-1.7-05]; tổ chức cho bảo vệ, giáo viên, nhân viên được tham gia tập huấn công tác phòng chống cháy nổ [H1-1.7-06];tổ chức cho nhân viên nấu ăn, nhân viên nuôi dưỡng tập huấn kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.7-07].

Hiệu trưởng có phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo năng lực, hoàn cảnh, sức khoẻ để đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.4-05].

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn được trang bị đồ dùng, đồ chơi, các trang thiết bị đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ[H1-1.6-03]; [H1-1.7-08].Được hỗ trợkinh phí khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ do cấp trên tổ

chức [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].Được tổ chức tham quan nghỉ dưỡng vào dịp hè [H1-1.3-01],được khám sức khỏe một lần trong một năm theo chế độ, chính sách quy định [H1-1.5-04].Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được phát biểu, đóng góp ý kiến, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường… [H1-1.6-04]được hưởng phụ cấp chế độ theo Nghị quyết 113/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐND, Nghị quyết 03/2018/ NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành Phố [H1-1.6-03].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có các biện pháp về: đổi mới phương pháp trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý theo hướng tích cực; phát huy tính tự giác, sáng tạo, tích cực học tập của đội ngũ; đổi mới phương pháp trên cơ sở [sử dụng](https://gdnn.edu.vn/tag/su-dung) và khai thác khả năng các phương tiện, thiết bị dạy học; đổi mới cách thức kiểm trađánh giá trong đào tạo, bồi dưỡng… để xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có biện pháp để phát huy tính độc lập đối với giáo viên mới ra trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ để nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hiệu trưởng có phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý đúng người, đúng việc, phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường công tác mang lại hiệu quả hoạt động của nhà trường.Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường mầm non, Nghị quyết hiện hành;nhà trường có biện pháp đổi mới trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá đem lại hiệu quả trong công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có biện pháp để phát huy tính sáng tạo đối với giáo viên mới ra trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, nhà trường thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo kế hoạch đã đề ra đầu năm học. Thường xuyên quan tâm nắm bắt kịp thời năng lực chuyên môn của đội ngũ để phân công sử dụng nhân sự đúng người đúng việc, phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường công tác để đảm bảo hiệu quả hoạt động chăm sóc và giáo dục của nhà trường. Chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng văn phòng; phối hợp các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn xây dựng kế hoạch, đề ra biện pháp để phát huy tính độc lập, tích cực học tập của đội ngũ nhân viên, giáo viên. Tổ chức cho giáo viên trẻ mới ra trường tham gia các phong trào thi đua, các hội thi, các hoạt động tập thể; xây dựng các trò chơi… để tập cho giáo viên tính sáng tạo phát huy tố chất năng lực của cá nhân

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức2

# *Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục*

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 1 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non; căn cứ Kế hoạch số 1033/KH-GDĐT-MN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Phòng Giáo dục và Đào

tạo huyện Hóc Môn về ban hành Kế hoạch năm học 2018-2019 bậc giáo dục mầm non, nhà trường căn cứ vào tình hình cơ sở vật chất, nguồn lực, đặc điểm tâm sinh lý của học sinh để xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp tình hình đơn vị. Kế hoạch giáo dục nhà trường đều được góp ý xây dựng trong liên tịch nhà trường và lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo truớc khi triển khai đến đội ngũ giáo viên trong đơn vị [H1-1.1-01]; [H1-1.1-06]; [H1-1.7-02]. Trong những năm học qua, kế hoạch giáo dục nhà trường luôn sát với tình hình thực tế tại đơn vị, giúp trẻ phát triển toàn diện các lĩnh vực phát triển và được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá cao trong công tác chăm sóc giáo dục [H1-1.1-04].

Nhà trường và giáo viên thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần, ngày cụ thể theo từng độ tuổi.Tuy nhiên, một số giáo viên mới chưa có kinh nghiệm trong soạn kế hoạch giáo dục nên còn đưa ra các hoạt động giáo dục chưa phù hợp[H1-1.7-02]; [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục giáo viên được Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo tuần, tháng. Hằng tuần, giáo viên nộp kế hoạch giáo dục lớp cho phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục kiểm tra đánh giá trên mạng nội bộ nhà trường nhằm giúp giáo viên có sự điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp tình hình thực tế tại lớp. Hằng năm nhà trường tiến hành kiểm tra thực tế kỹ năng của trẻ ở các lớp để điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường, lớp cho phù hợp với thực tế giúp trẻ hoàn chỉnh kỹ năng độ tuổi[H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường bằng các biện pháp chỉ đạo như: Thăm lớp, dự giờ, kiểm tra có kế hoạch báo trước và đột xuất để đánh giá giáo viên nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị thể hiện qua kết quả hội thi đạt 6 giáo viên giỏi cấp huyện, trong đó đạt 01 giải nhất và 01 giải ba trong năm học 2018-2019.Còn 05 lớp chưa có máy tính nên việc sử dụng mạng nội bộ chưa đạt hiệu quả cao[H1-1.8-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo đúng qui định. Giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch giáo dục theo nhóm lớp và các hoạt động giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh theo khả năng của trẻ. Kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch giáo dục của giáo viên được thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định, đảm bảo tính khoa học và tính logic

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên mới chưa có kinh nghiệm trong soạn kế hoạch giáo dục nên còn đưa ra các hoạt động giáo dục chưa phù hợp.Còn05lớp chưa có máy tính nên việc sử dụng mạng nội bộ chưa đạt hiệu quả cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục trang bị máy tính cho các lớp, sử dụng mạng nội bộ để chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá để nâng cao hiệu quả việc soạn kế hoạch và thiết kế giáo án.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

# *Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở*

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà truờng được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trực tiếp, hoặc thông qua người đại diện Công đoàn để xây dựng kế hoạch hàng năm; chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của đơn vị. Được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về nội quy lề lối làm việc, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu. Được tham gia xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, các chế độ chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức; tham gia góp ý kiến cho các phong trào thi đua trong năm học đúng theo quy định tại Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 01 năm 2015 về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập [H1-1.3-01]; [H1-1.9-01]; [H1-1.6-04].

Hằng tháng, Hiệu trưởng có thực hiện việc đối thoại trực tiếp hoặc thông qua các buổi sinh hoạt, các buổi họp hội đồngđể tiếp nhận những phản ánh, tố cáo, khiếu nại, kiến nghị của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về việc thực hiện Quy chế dân chủ. Tuy nhiên, nhà trường vẫn còn một sốgiáo viên, nhân viên trong các buổi họp còn ngại tham gia thảo luận đóng góp ý kiến. Trong những năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ nhà trường [H1-1.6-04]; [H1-1.9-01].

Hằng năm, nhà trường thực hiện chế độ báo cáo quy chế dân chủ của cơ sở chính xác, đúng quy định, đúng thời gian đến Đảng ủy xã Thới TamThôn, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Hiệu trưởng thực hiện báo cáo Quy chế dân chủ đến đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua trong Hội nghị cán bộ, công nhân, viên chức và người lao động đúng theo quy định [H1-1.6-04]; [H1-1.6-01].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường luôn được công khai minh bạch tại các hội nghị, thông qua các buổi họp, niêm yết tại bảng tin của công đoàn, bảng tin trường. Nhà trường thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát với các cá nhân, tổ khối…bằng các hình thức gián tiếp, trực tiếp, qua đó giúp nhà trường đánh giá đúng tình hình triển khai, thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nhận ra những mặt đạt được, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm, những mô hình hay, cách làm tốt để nhân rộng, đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường. Hằng năm nhà trường đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà truờng thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đúng theo quy định tại Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 01 năm 2015 về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Trong 5 năm nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Hằng năm, nhà trường thực hiện chế độ báo cáo quy chế dân chủ cơ sở với các cấp lãnh đạo, đội ngũ đúng theo quy định

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên, nhân viên trong các buổi họp còn ngại tham gia thảo luận đóng góp ý kiến

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch về chất lượng giáo dục, công tác thu chi tài chính. Bên cạnh đó chủ động tạo điều kiện giúp giáo viên, nhân viên mạnh dạn hơn khuyến khích các bộ phận tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

# *Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học*

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường có phương án và quy chế phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn về việc đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học [H1-1.10-01]; phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; có phối hợp với cảnh sátPhòng cháy chữa cháy huyện Hóc Môn xây dựng phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ tại đơn vị [H1-1.7-05]; nhà trường có phương án và quy chế phối hợp với trạm y tế xã Thới Tam Thôn để thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh tại đơn vị [H1-1.10-04]; có phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05]. Nhà truờng không có phương án về an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai. Trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện toàn thực phẩm [H1-1.10-06].

Đảm bảo an toàn trong trường học, nhà trường lắp đặt hộp thư góp ý, có số điện thoại trường, phân công bảo vệ đảm bảo ca trực, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường[H1-1.10-07].

Nhà trường có xây dựng các chuẩn mực đạo đức nhà giáo văn hoá ứng xử và được quán triệt đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nên không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-08].

Mức 2:

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ luôn được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.7-07]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-04]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05]. Nhà trường chưa tổ chức cho đội ngũ được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các phương án đảm bảo an toàn; có sự phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể trong phường và quận, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ. Trong những năm qua nhà trường chưa xảy ra tình trạng mất an toàn cho trẻ và đội ngũ tại đơn vị

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có phương án và chưa tổ chức cho đội ngũ được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020, tiếp tục thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; đảm bảo vệ sinh an toàn thực; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; tổ chức bếp ăn cho trẻ đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Tiếp nhận, kịp thời xử lý tốt các thông tin phản ánh của người dân để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên và học sinh. Hiệu trưởng có kếhoạch trích kinh phí từ nguồn thu của trường mời báo cáo viên về trường phổ biến tập huấn và thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai cho đội ngũ. Sau buổi tập huấn, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch lộ trình để thực hiện hiệu quả trong công tác đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai tại đơn vị.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

# Kết luậnvề Tiêu chuẩn 1:

**Điểm mạnh nổi bật**

Trường Mầm non 2/9 huyện Hóc Môn thực hiện tốt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, các kế hoạch, phương án đề ra trong năm học. Bộ máy tổ chức nhà trường hoạt động hiệu quả; công tác kiểm tra rà soát đánh giá; công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, tài chính; công tác quản lý hoạt động giáo dục; việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở luôn đảm bảo. Nhà trường thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo an toàn về sức khỏe, tinh thần cho trẻ và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại đơn vị.

**Điểm yếu cơ bản**

Việc tổ chức xây dựng và thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh, cộng đồng.

Chưa trang bị đầy đủ máy vi tính để giáo viên soạn giảng ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, tình hình thực tế tại địa phương.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 10/10

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/10

# Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lýgiáo viên nhân viên

**Mở đầu**:

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ số lượng và đạt yêu cầu về trình độ quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, có phẩm chất đạo đức, lối sống, có năng lực trong công tác quản lý và giảng dạy để triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ tại trường, đáp ứng các yêu cầu đổi mới hiện nay của ngành học.

# *Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng*

Mức 1*:*

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hiệu trưởng có thời gian công tác 32 năm, trong đó có 27 năm làm công tác quản lý, trình độ Cử nhân tâm lý giáo dục; cử nhân quản lý giáo dục; chứng chỉ bồi dưỡng Hiệu trưởng trường mầm non, trình độ trung cấp lý luận chính trị, có giấy chứng nhận bồi dưỡng lớp chuyên viên. Nhà trường có 02 phó hiệu trưởng:01 phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác 36 năm trong đó có 11 năm làm công tác quản lý, trình độ cử nhân quản lý giáo dục, chuyên môn cao đẳng sư phạm mầm non, chứng chỉ bồi dưỡng hiệu trưởng trường mầm non, có trình độ trung cấp lý luận chính trị; 01 phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục, thời gian công tác 20 năm, trong đó có 02 năm làm công tác quản lý, tốt nghiệp Đại học sư phạm mầm non, có chứng chỉ bồi dưỡng hiệu trưởng trường mầm non, trình độ trung cấp lý luận chính trị, có giấy chứng nhận bồi dưỡng lớp chuyên viên. [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Từ năm học 2014-2015, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được lãnh đạo cấp trên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14/4/2011 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non [H1-2.1-01]; [H1-2.1-02].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn như: Bồi dưỡng thường xuyên, an toàn thực phẩm, sơ cấp cứu; được tập huấn công tác tự đánh giá. Tuy nhiên, hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng nhà trường chưa tham gia học lớp nâng cao trình độ ngoại ngữ [H2-2.1-01]

Mức 2:

Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại xuất sắc theo Thông tư 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14/4/2011 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non[H2-2.1-01].

Hằng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị theo qui định và đã hoàn thành lớp trung cấp chính trị [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04] được giáo viên, nhân viên tín nhiệm [H2-2.1-01]

Mức 3:

Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng trong 4 năm liên tiếp từ năm 2014-2015đến năm 2017-2018theo Thông tư 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14/4/2011 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đều được đánh giá Chuẩn hiệu trưởng đạt loại xuất sắc. Năm học 2018-2019 Hiệu trưởng, hai phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá xếp loại khá theo Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non thực hiện theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT [H1-2.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng nhà trường đạt về chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, luôn có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ quản lý, được bồi dưỡng đánh giá chuẩn nghề nghiệp hàng năm đạt loại xuất sắc, luôn được giáo viên và nhân viên tín nhiệm cao trong công tác quản lý.

**3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng nhà trường chưa tham gia học lớp nâng cao trình độ ngoại ngữ. Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có bằng Cao đẳng sư phạm mầm non.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho Ban giám hiệu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: tham gia lớp học quản lý giáo dục tại trường Đại học Sài Gòn, các lớp bồi dưỡng công tác quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, các lớp ngoại ngữ anh văn A2, B1 theo đúng yêu cầu của ngạch quản lý mầm non.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2*:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường được Ủy ban nhân dân Huyện giao định mức 38 giáo viên trong năm 2019, nhưng thực tế trường chỉ có 37 giáo viên được tuyển dụng. Để đảm bảo đủ số lượng, đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, nhà trường đã hợp đồng thêm 06 giáo viên và để phân bổ hợp lý 2.2 giáo viên đối với lớp mẫu giáo; 2.5 giáo viên đối với lớp nhà trẻ; để đảm bảo cho đội ngũ thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.4-05]; [H2-2.2-01].

100% giáo viên trong đơn vị đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định Điều lệ trường mầm non: Có 30 giáo viên trình độ Đại học Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 69.76%, 06 giáo viên trình độ Cao đẳng Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 13,95%[H2-2.2-02].

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H2-2.2-03].

Mức 2:

Trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên đến thời điểm hiện tại có 36/43 giáo viên đạt tỉ lệ83.72 %, trong đó có 30/43 giáo viên trình độ Đại học sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 69.76%; 06/43giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 13.95%, được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình bồi dưỡng [H2-2.2-01].

Nhà trường đều tổ chức đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viêntheo Thông tư 17/ 2011/TT- BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả như sau: Năm học 2014-2015 có 25/25 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên( trong đó có 13/25 giáo viên đạt xuất sắc, tỷ lệ 52%, 12/25 giáo viên đạt khá, tỷ lệ 48%). Năm học 2015-2016 có 25/25 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên (trong đó có 05/25 giáo viên đạt xuất sắc, tỷ lệ 20%, 20/25 giáo viên đạt khá, tỷ lệ 80%). Năm học 2016-2017 có 25/25 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên (trong đó có 02/25 giáo viên đạt xuất sắc, tỷ lệ 8%, 23/25 giáo viên đạt khá, tỷ lệ 92%) Năm học 2017-2018 có 37/37 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên (trong đó có 19/37 giáo viên đạt xuất sắc, tỷ lệ 51,4%, 18/37 giáo viên đạt khá, tỷ lệ 48,6%) theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, năm học 2018-2019 có 34/34 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên (trong đó có 9/34 giáo viên đạt khá, tỷ lệ 26,47 %, 25/34 giáo viên đạt, tỷ lệ 73,53%)[H2-2.2-03].

Tập thể giáo viên nhà trường luôn cố gắng thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của ngành, của đơn vị và nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-04].

Mức 3:

Trường có giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo 36/43 giáo viên đạt tỉ lệ83.72%, trong đó có 30/43 giáo viên trình độ Đại học sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 69.76%; 06/43giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 13.95%[H2-2.2-02]; [H2-2.2-04].

Hằng năm, nhà trường đều đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên đúng theo quy định, trường có 34/34 giáo viên đạt tỉ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, trong đó có 09/34giáo viên xếp loại khá năm học 2018-2019 tỉ lệ 26.47%[H2-2.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng và cơ cấu hợp lý để thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Trình độ giáo viên trong trường luôn duy trì và đạt tỷ lệ 80% trình độ trên chuẩn. Đội ngũ giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm đạt kết quả cao, luôn được phụ huynh tin yêu và không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**3. Điểm yếu**

Hiện tại nhà trường có06 giáo viên diện hợp đồng, 07 giáo viên trình độ trung cấp sư phạm mầm non (trong đó 03 giáo viên thuộc biên chế, 04 giáo viên thuộc hợp đồng trường).

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng chuẩn, tạo điều kiện thời gian cho 08 giáo viên trình độ trung cấp học nâng chuẩn. Sắp xếp mỗi năm cử 2 giáo viên tham gia lớp trung cấp chính trị. Khuyến khích giáo viên tự học nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhà trường sẽ có mức thưởng khi hoàn thành.

Nhà trường xây dựng đề án vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015. Để được hỗ trợ tuyển dụng viên chức, bảo đảm đủ số lượng giáo viên theo quy định và theo yêu cầu công việc

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3

# *Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên*

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2*:*

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 15 nhân viên: 01 kế toán kiêm nhiệm công tác văn thư , 01 y tế kiêm nhiệm công tác thủ quỹ, 07 nhân viên cấp dưỡng, 03 nhân viên bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ do hiệu trưởng phân công và đảm bảo đúng định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015[H2-2.2-04]; [H1-1.4-05].

Vào đầu năm học, hiệu trưởng có phân công công việc cho nhân viên phù hợp với chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.4-05]; [H2-2.2-04].

Hằng năm, nhân viên nhà trường đều hoàn thành các nhiệm vụ và được đánh giá xếp loại theo tháng, học kỳ. Cuối năm học nhà trường có đánh giá xếp loại viên chức không trực tiếp giảng dạy, 100% nhân viên đều đạt từ khá trở lên [H2-2.3-01].

Mức 2:

Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường [H2-2.2-04]; [H2-2.3-02].

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhân viên trong nhà trường có trình độ đào tạo ứng với vị trí việc làm: 01 nhân viên kế toán có bằng đại học kế toán, 01 nhân viên y tế có bằng trung cấp y tá, 07 nhân viên cấp dưỡng có bằng sơ cấp nấu ăn. Còn 05 nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, 01 nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ[H2-2.2-04]; [H2-2.3-02].

Hằng năm, bộ phận nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm như: Tập huấn công tác văn thư lưu trữ, tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm, tập huấn sơ cấp cứu, tập huấn mắt học đường, tập huấn truyền thông giáo dục sức khỏe [H2-2.2-04]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ, được Hiệu trưởng phân công phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực cá nhân; luôn hoàn thành công việc được giao và không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**3. Điểm yếu**

05 nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông

01 nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho nhân viên cấp dưỡng, bảo vệ tham gia học bồi dưỡng chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

# Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

**Điểm mạnh nổi bật**

Hiệu trưởng, hai Phó Hiệu trưởng và giáo viên được cơ cấu đủ số lượng, đảm bảo thực hiện tốt việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.Hằng năm được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên.

Đội ngũ giáo viên và nhân viênđược phân công kiêm nhiệm đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

**Điểm yếu cơ bản**

Còn 07 /43 - tỷ lệ 16,27% giáo viên đạt trình độ trung cấp,công tác văn thư do kế toán kiêm nhiệm, 07 nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng Trung cấp nấu ăn.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 03/03

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/03

# Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

**Mở đầu**:

Nhà trường có diện tích khuôn viên, sân trường; các lớp học dành nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, phòng chức năng; khối phòng hành chính quản trị; khu vực nhà bếp; khu nhà vệ sinh cho trẻ, khu nhà vệ sinh cho đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo diện tích và quy cách xây dựng theo quy định. Cơ sở vật chất luôn được đầu tư bổ sung theo quy định, phù hợp theo xu hướng hiện đại và nhu cầu phát triển của xã hội, quang cảnh sư phạm xanh - sạch - đẹp cách biệt với khu vực bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ và giúp trẻ tích cực tham gia các hoạt động học tập, vui chơi phát triển kỹ năng nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

# *Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn*

Mức 1:

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có)*

Mức 3:

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 Mức 1:

Trường Mầm non2/9,có diện tích khuôn viên trường là 9.841m2,đảm bảo bình quân 12m2/1trẻ đáp ứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 [H3-3.1-01].

Trường có cổng biển tên trường đảm bảo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trường có tường gạch kiên cố bao quanh toàn bộ khuôn viên nhà trường, đảm bảo về tài sản và an toàn cho trẻ. Hằng ngày, khuôn viên trường luôn được vệ sinh sạch sẽ, các mảng xanh trong trường luôn được chăm sóc, bố trí cảnh quan hợp lý tạo mảng không gian thoáng đãng, hài hòa, thân thiện và an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động [H3-3.1-02].

Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp với diện tích đảm bảo 0,5m2/1 trẻ và thuận tiện cho giáo viên tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi, tổ chức cho trẻ ăn uống. Bên cạnh đó, nhà trường có 04 khu vực sân chơi: Khu dành cho trẻ chơi cát, nước, trò chơi dân gian; sân chơi dành cho trẻ nhà trẻ; 02 sân chơi vận động. Ngoài ra, nhà trường có khu vực vườn rau tạo điều kiện cho trẻ tham gia học tập khám phá thiên nhiên [H3-3.1-03]. Trường có cây xanh tạobóng mát cho sân trường, nhưng ở sân chơi giữa chưa có nhiều cây xanh để tạo bóng mát cho trẻ khi tham gia hoạt động và khu vực sân chơi cho trẻ nhà trẻ chưa có mái hiên.

Mức 2:

Trường Mầm non 2/9 có công trình xây dựng là 2.510 m2, diện tích sân chơi 1.283,36 m2, và lối đi nội bộ đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Khuôn viên trường có tường gạch kiên cố với chiều cao 2,2m bao quanh toàn bộ khuôn viên nhà trường, đảm bảo ngăn cách với các khu vực bên ngoài. Có khu sân chơi dành riêng cho nhà trẻ gần sát khu vực lớp học; khu sân chơi dành cho trẻ mẫu mẫu giáo; khu sân chơi vận động…Các khu vực sân chơi được bố trí phù hợp, có ánh nắng tự nhiên và có nhiều bóng mát từ cây xanh trong trường giúp trẻ được hoạt động thuận lợi. Sân trường có nhiều cây xanh được bộ phận bảo vệ chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên tạo vẻ mỹ quan cho sân trường. Nhà trường có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, được trồng nhiều loại cây, loại rau, loại hoa tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-03].

Khu vực trẻ chơi ngoài trời được bố trí nhiều thiết bị, đồ chơi cho trẻ, được lát gạch, phủ thảm cỏ đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động vui chơi. Các thiết bị, đồ chơi ngoài trời đa dạng về kích thước, đa dạng về cách chơi và được bố trí phù hợp với lứa tuổi. Các khu vực chơi đều được ngăn cách an toàn với khu để xe của giáo viên nhân viên, khu vực nhà bếp. Khu vực sân vườn, được nhân viên vệ sinh hàng tuần nhằm đảm bảo sạch sẽ và an toàn cho trẻ hoạt động vui chơi ngoài trời[H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có bố trí khu vực riêng để cho trẻ thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: Cầu thăng bằng, bộ đồ chơi liên hoàn, cổng chui, thang leo, bóng nhún, xích đu treo, cầu thăng bằng cố định, cầu thăng bằng di động, cột ném bóng, khung thành, xe đạp chân… ngoài ra nhà trường còn bổ sung thêm các thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế để tăng cường cho trẻ vận động. Tất cả các đồ chơi luôn được nhà trường kiểm tra thường xuyên, sửa chữa và loại bỏ những vật dụng, đồ chơi không an toàn cho trẻ trong quá trình chơi [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có bảng tên trường và tường rào bao quanh ngăn cách đảm bảo an toàn cho trẻ và an ninh trong trường học. Diện tích đất, diện tích xây dựng, cây xanh, diện tích sân chơi, hiên chơi trong nhà trường đảm bảo cho trẻ tự do vui chơi học tập. Các sân chơi được bố trí thành nhiều khu vực với nhiều đồ chơi, cây xanh tạo cảnh quan đẹp và phù hợp với các hoạt động của trẻ theo độ tuổi. Khu vực sân chơi, cây xanh giúp trẻ tăng cường vận động với đầy đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục và ngoài danh mục quy định, được nhà trường kiểm tra, chăm sóc và vệ sinh thường xuyên đáp ứng nhu cầu vui chơi, các hoạt động trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Sân chơi giữa còn nắng thiếu bóng mát, sân bê tông xi măng nên khi trẻ chạy té dễ bị trầy tay, chân.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021 nhà trường tiếp tục duy trì bảng tên trường, tường rào bao quanh ngăn cách đảm bảo an toàn cho trẻ và an ninh trong trường học. Hiệu trưởng lên kế hoạch phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ em vận động làm mái che cho khu vực sân giữa để tạo bóng mát cho trẻ chơi, đồng thời chọn vị trí phù hợp trồng thêm cây xanh theo quy định để nhiều năm sau khu vực này có bóng mát cho trẻ vui chơi.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3

# *Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập*

Mức 1:

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

Mức 3:

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 Mức 1:

Nhà trường có 20 phòng học được bố trí 20 nhóm, lớp theo đúng độ tuổi: 03 nhóm nhà trẻ (01nhóm 18-24 tháng, 02 nhóm 25-36 tháng) và 17 lớp mẫu giáo (05 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 06 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 06 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi) [H3-3.2-01]

Trường có 20 phòng sinh hoạt chung dùng để làm nơi sinh hoạt học tập, vui chơi, ăn và ngủ cho trẻ; 01 phòng giáo dục nghệ thuật; 01 phòng giáo dục thể chất; 01 phòng thư viện, 01 phòng tập gym đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.2-01].

Nhà trường có trang bị đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt ở tất cả các lớp và phòng chức năng. Ngoài ra, lớp học, phòng chức năng đều có cửa chính, cửa sau và nhiều cửa sổ đảm bảo ánh sáng tự nhiên, sự thông thoáng trong phòng học. Tất cả các phòng đều được trang bị đủ đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học theo quy định tại Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 về danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non và nhiều đồ chơi trang thiết bị ngoài danh mục mang tính hiện đại phục vụ tốt cho hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại trường [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 2:

Nhà trường có 20 phòng sinh hoạt chung với diện tích mỗi phòng là 77,2m2, bình quân 2,2m2/1 trẻ, 01 phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 77,2m2, 01 phòng giáo dục thể chất với diện tích 77,2m2, 01 phòng thư viện có diện tích 77,2m2,, 01 phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 77,2m2 , 01 phòng tập gym có diện tích 77,2m2 đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-01].

Trường Mầm non 2/9 với 20 phòng học và 04 phòng chức năng được trang bị đầy đủ hệ thống tủ, kệ, đồ dùng tài liệu chuyên môn phù hợp với độ tuổi và được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện cho trẻ hoạt động phù hợp với Chương trình giáo dục mầm non. Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi được giáo viên thường xuyên kiểm tra và sửa chữa, thay thế kịp thời khi bị hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1.6-06]; [H1-1.6-03]. Các phòng học nhóm nhà trẻ cũng như các phòng chức năng chưa lót sàn gỗ.Đầu sách ở phòng thư viện chưa đa dạng, phong phú so với số trẻ của trường.

Mức 3:

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

**2. Điểm mạnh**

Trường Mầm non 2/9 có đầy đủ các phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi; 04 phòng chức năng và tất cả các phòng học đều có đủ ánh sáng, thoáng mát đảm bảo đạt chuẩn theo quy định; được trang bị đầy đủ đồ dùng trang thiết bị và được bố trí sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện đảm bảo các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Các phòng học nhóm nhà trẻ cũng như các phòng chức năng chưa lót sàn gỗ.Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch thực hiện lót sàn gỗ phòng học 03 nhóm nhà trẻ cũng như các phòng chức năng,bổ sung thêm kệ, nhiều đầu sách hay và phù hợp với mọi lứa tuổi để trẻ xem khi đến phòng thư viện và sắp xếp bố trí thêm phòng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học

 Hiệu trưởng lấy ý kiến từ đội ngũ giáo viên để mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho năm học 2020-2021 nhằm thực hiện tốt cho công tác giảng dạy”.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

# *Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị*

Mức 1:

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

*c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Mầm non 2/9 có đầy đủ các loại phòng theo quy định như: Phòng hội trường, văn phòng, phòng hành chính, phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng nghỉ nhân viên, phòng bảo vệ[H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc như: Máy vi tính, máy in, bảng biểu, bàn ghế, tủ để tài liệu, giường y tế, tủ thuốc y tế, cân đo sức khỏe, đèn pin…[H1-1.6-03]; [H1-1.6-06].

Nhà trường có khu để xe riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo an toàn, thuận tiện cho đội ngũđể xe [H3-3.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có văn phòng được sử dụng làm nơi để hội họp và sinh hoạt của các đoàn thể với diện tích 77,2m², phòng hiệu trưởng diện tích 21,6m², phòng phó hiệu trưởng diện tích 26,4m², phòng hành chính tài vụ với diện tích 23,4m². Các phòng đều có đầy đủ phương tiện làm việc, bàn ghế tiếp khách, máy vi tính, tủ đựng hồ sơ được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp và có các biểu bảng theo quy định. Tất cả các phòng đềm đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

Nhà trường có khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên rộng rãi, có mái che, tuy nhiên chỉ có rào chắn di động, chưa có cửa rào kiên cố cho an toàn [H3-3.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các phòng, 01 phòng Hiệu trưởng có diện tích 21,60m2 , 01 phòng 2 Phó hiệu trưởng có diện tích 26,40m2, 01 hội trường có diện tích 77,2 m2, 01văn phòng có diện tích 77,2 m2,01 phòng kế toán có diện tích 23,40m2, 01 phòng văn thư có diện tích 23,40m2, 01 phòng giáo viên có diện tích 21,60m2, 01 nhà bảo vệ với diện tích 9m2, 02 khu vệ sinh cho giáo viên với diện tích 11,60m2, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non[H3-3.3-01]; [H3-3.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các phòng hành chính quản trị và khu vực để xe được thiết kế đảm bảo yêu cầu về diện tích và trang thiết bị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011, được bố trí phù hợp nhằm đảm bảo công tác quản lý và phục vụ công tác cho các bộ phận.

**3. Điểm yếu**

Nhà xe giáo viên nhân viên chỉ có rào chắn di động, chưa có cửa rào kiên cố cho an toàn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020, nhà trường tiếp tục tăng cường bổ sung thiết bị cho các phòng để thuận tiện trong quá trình làm việc của các bộ phận. Hiệu trưởng có kế hoạch cân đối kinh phí làm cửa nhà xe để đảm bảo an toàn xe hơn

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

# *Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn*

Mức 1:

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

Mức 3:

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Mầm non 2/9 có bếp ăn được xây dựng kiên cố đáp ứng đủ yêu cầu để chế biến thức ăn cho trẻ theo đúng độ tuổi [H3-3.1-0].

Nhà trường có kho thực phẩm được bố trí trong khu vực nhà bếp thuận tiện cho nhân viên chế biến món ăn và đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.4-01].

Trong khu vực nhà bếp, bố trí 02 tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn của trẻ trong ngày và bảo quản thực phẩm chế biến bữa ăn xế cho trẻ đúng theo Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế[H3-3.4-02].

Mức 2:

Bếp ăn của nhà trường có diện tích 111,8m² ở tầng hai.Nhà bếp được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, cótừng khu vực: Khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn và khu rửa chén nằm ngoài khu vực nhà bếp. Ngoài ra bếp ăn còn có các bảng biểu như: bảng tiếp phẩm, bảng phân lượng thực phẩm sống, bảng phân chia thành phẩm, bảng nội qui, bảng phân công cấp dưỡng [H3-3.4-01]. Bếp ăn được trang bị đầy đủ đồ dùng bằng inox vànhựa melamine cao cấp để phục vụ cho cho trẻ ăn bán trú tại trường. Có đủ dụng cụ chế biến thực phẩm: dao thớt sống- dao thớt chín, thau, rổ, tủ đựng chén, tủ hấp chén, tủ lạnh,... đúng theo quy định[H3-3.4-03]. Nguồn nước nấu ăn được xét nghiệm hàng năm[H3-3.4-05]. Khu vực để gas được thiết kế nằm ngoài bếp ăn, được kiểm tra hàng tháng [H3-3.4-06]. Nhà trường có hợp đồng với Doanh nghiệp tư nhân Võ Thành Phương tại 88/2B Lê Lợi, Thị Trấn,Hóc Môn, đểxử lí rác hằng ngày trong nhà bếp được vệ sinh ngay sau khi thực hiện, có phân loại chất thải tại nguồn [H3-3.4-04]; [H3-3.4-07].

Mức 3:

Bếp ăn của nhà trường đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, quy định tại khoản 1,2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07:2010/BYT. Tuy nhiên, khu vực rửa chén, vị trí sân phơi đồ dùng, trang thiết bị phục vụ ăn uống, khu vực tiếp phẩm chưa được ốp gạch tường[H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường Mầm non 2/9 có bếp ăn đảm bảo diện tích cho mỗi trẻ, được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động bếp một chiều và trang bị đầy đủ đồ dùng trang thiết bị, có đủ nước sạch và xử lý các chất thải đúng theo quy định, đảm bảo phòng chống cháy nổ, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa trang bị được xe đẩy cơm cho 12/17 lớp mẫu giáo nhằm giảm tải sức lao động cho giáo viên và cấp dưỡng.Vị trí sân phơi đồ dùng- trang thiết bị phục vụ ăn uống khu vực tiếp phẩm và khu vực rửa chén chưa được ốp gạch tường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 nhà trường sẽ tiếp tục đầu tư trang thiết bịcho bếp ăn nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ tại trường. Hiệu trưởng lên kế hoạch thực hiện ốp gạch men khu vực tiếp phẩm, khu vực rửa chén, vị trí sân phơi đồ dùng, trang thiết bị phục vụ ăn uống nhà trường và những năm học tiếp theo tiếp tục trang bị thêmxe đẩy cơm cho khối lớp mẫu giáo.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

# *Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi*

Mức 1:

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường trang bị đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 về danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.6-06]

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức cho giáo viên làm đồ dùng đồ chơi, phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính giáo dục an toàn nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi của trẻ trong lớp và ngoài trời [H3-3.5-01].

Nhà trường có kế hoạch phân công tổ trưởng chuyên môn, phục vụ, bảo vệ kiểm kê các thiết bị đồ dùng, đồ chơi hằng tuần, hằng tháng, hằng năm. Yêu cầu đội ngũ thực hiện sổ báo hư tài sản, đồ dùng đồ chơi để cán bộ quản lý phân công bảo vệ hoặc cơ sở bên ngoài sửa chữa kịp thời nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

Nhà trường đã trang bị 22 máy tính, trong đócác máy tính trong nhà trường đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên truy cập để sưu tầm những trò chơi, hình ảnh, tài liệu hỗ trợ trong công tác giảng dạy. 15/20nhóm lớp có máy tính được nối mạng nội bộ với máy tính của cán bộ quản lý đem lại hiệu quả trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, nhưng các máy tính bàn có cấu hình thấp nên việc kết nối mạng Internet, mạng nội bộ để hỗ trợ cho công tác giảng dạy còn nhiều hạn chế [H3-3.4-06].

Nhà trường trang bị đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ cho công tác giáo dục trẻ quy định tại Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 về danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.7-07]

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục, tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi để phục vụ cho công tác giảng dạy trong nhà trường [H3-3.5-01]

Mức 3:

Hằng năm, các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm, thiết bị dạy học ngoài danh mục quy định của giáo viên luôn được bộ phận chuyên môn kiểm tra đánh giá, chọn lựa và đưa vào giảng dạy những trang thiết bị có tính khả thi. Đội ngũ giáo viên thường xuyên sử dụng và khai thác hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đã được chọn lựa giúp trẻ tích cực tham gia hoạt động, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị [H3-3.5-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học trong danh mục, ngoài danh mục và đồ chơi tự làm theo quy định. Các máy tính được kết nối mạng Internet, mạng nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục của giáo viên trong công tác giáo dục trẻ, giúp trẻ hứng thú, tham gia tích cực trong hoạt động của lớp, của trường.

**3. Điểm yếu**

Còn 05 lớp chưa có máy vi tính,các máy tính bàn có cấu hình thấp nên việc kết nối mạng Internet, mạng nội bộ để hỗ trợ cho công tác giảng dạy của giáo viên còn nhiều hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục trang bị bổ sung máy vi tính đầy đủ nhóm lớp. Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi sáng tạo, thể hiện tính thẩm mỹ và có độ bền cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của đồ dùng, đồ chơi. Nâng cấp máy tính có cấu hình thấp nhằm phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên. Nâng cấp dung lượng Internet đảm bảo các máy tính trong nhà trường đều truy cập nhanh mạng thông tin.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

# *Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước*

Mức 1*:*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch,hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh cho trẻ, bồn cầu có vách ngăn cách riêng cho trẻ theo giới tính tuy nhiên bồn tiểu nam chưa có vách ngăn, có lavabo cho trẻ rửa tay, có nhà vệ sinh riêng cho giáo viên; có 02 khu nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng. Trườngkhông có trẻ khuyết tật.Phòng vệ sinh của lớp chưa được trang bị gương cho các cháu sử dụng[H3-3.1-01].

Hệ thống thoát nước của nhà trường được thiết kế phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường, được kiểm tra thường xuyên theo định kỳ không để tình trạng ứ đọng và có mùi hôi [H3-3.6-01]. Nhà trường sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và trong vệ sinh cá nhân. Có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn. Nước máy được kiểm tra xét nghiệm hằng năm đảm bảo theo quy định [H3-3.4-05]. Các cháu được uống nước đóng bình nhãn hiệu C.water của công ty trách nhiệm hữu hạn nước và môi trường Tân Hoa, được kiểm định và có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm[H3-3.4-04].

Nhà trường có nhà để rác riêng bố trí xa khu vực lớp học và khu vực nhà bếp. Các lớp học đều có thùng rác tạm thời được bố trí ở khu vực nhà vệ sinh của trẻ. Rác thải trong nhà trường và ở các lớp học đều được phân loại theo quy định như: Rác vô cơ, rác hữu cơ, rác thải nguy hiểm. Tất cả thùng rác đều có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường[H3-3.6-02]. Nhà trường có hợp đồng vớiDoanh nghiệp tư nhân Võ Thành Phương tại 88/2B Lê Lợi, Thị Trấn Hóc Môn,để xử lý chất thải hằng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm trong khu vực để rác [H3-3.4-04].

Mức 2:

Phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho việc sử dụng và giúp giáo viên dễ quan sát trẻ. Nhà vệ sinh trẻ có diện tích là 21 m2. Nhà vệ sinh được trang bị đầy đủ các thiết bị vệ sinh phù hợp với lứa tuổi có bồn rửa tay, bồn tiểu nam, bệ xí, khu vực vệ sinh cho trẻ. Trường có 2 khu nhà vệ sinh cho nhân viên, giáo viên diện tích mỗi khu vệ sinh là 11,60 m2/khu trong đó có khu vệ sinh nam nữ riêng, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H1-3.1-01].

Nhà trường sử dụng nước giếng khoanđể cho trẻ, giáo viên, nhân viên sử dụng trong sinh hoạt. Hằng năm, nhà trường có tiến hành kiểm tra xét nghiệm nước máy tại Viện Pasteur với kết quả cho thấy hệ thống cung cấp nước sạch trong nhà trường đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-05]. Tuy nhiên nước giếng sử dụng đôi lúc bị đóng cặn, phèn. Nước uống của trẻ được cung cấp từCông ty TNHH Nước và Môi trường Tân Hoa, hệ thống nước của công ty được cơ quan chức năng công nhận hệ thống nước đạt chuẩn theo quy định của Bộ y tế [H3-3.4-04]. Nhà trường có hệ thống xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3, Điều 5 tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học [H3-3.4-04]. Hệ thống cống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, nước thải từ khu vực bếp, nước thải từ khu vực nhà vệ sinh luôn được xử lýđảm bảo không bị nước ứ đọng gây ô nhiễm xung quanh trường lớp[H3-3.1-01]. Nhà trường có hợp đồng với Doanh nghiệp tư nhân Võ Thành Phương để thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt tại khu tập trung xử lý rác. Rác được xử lý hằng ngày không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-04]; [H3-3.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ phòng vệ sinh cho trẻ, đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên. Khu vệ sinh luôn đảm bảo diện tích, sạch, thoáng mát, không ô nhiễm môi trường. Có đủ nước sạch sinh hoạt và phục vụ ăn uống cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

Có hệ thống xử lý nước thải.

**3. Điểm yếu**

Phòng vệ sinh của cáclớp bồn tiểu nam chưa có vách ngăn.

Trường chưa sử dụng được nước thuỷ cục nên còn sử dụng nước giếng khoang.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tăng cường kiểm tra các hệ thống cống rãnh, hệ thống thoát nước để xử lý kịp thời những khu vực hư hỏng nhằm giúp môi trường thông thoáng, đảm bảo vệ sinh môi trường tốt hơn. Năm học 2019-2020 trang bị hệ thống lọc nước nấu ăn và máy Ozone 2G khử khuẩn rửa rau quả; cho các cháu sử dụng uống nước đóng bình ion kiềm thiên nhiên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn SAKA WATER.Tháng 01/2020, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dự toán để trang bị vách ngăn bồn tiểu nam.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

# Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

**Điểm mạnh nổi bật**

Nhà trường có khuôn viên và các công trình được xây dựng kiên cố, diện tích sân chơi, phòng sinh hoạt chung và hiên chơi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các phòng học, phòng ngủ, phòng ăn, phòng hoạt động giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, bếp ăn được trang bị đầy đủ đồ dùng cho trẻ sinh hoạt đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả.Nhà vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

Có hệ thống xử lý nước thải.

Diện tích sân chơi cho trẻ rộng thoáng mát có cây xanh, hệ thống máy tính được kết nối internet mạng nội bộ phục vụ tốt cho công tác quản lý và công tác dạy học.

**Điểm yếu cơ bản**

Nhà trường còn thiếu phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ, tin học vàâm nhạc. Nhà xe giáo viên nhân viên chưa có rào khóa lại.

Các phòng học nhà trẻ và phòng chức năng chưa được lót sàn gỗ.Đầu sách ở phòng thư viện chưa đa dạng, phong phú.

Trường chưa trang bị được xe đẩy cơm cho 12/17 lớp khối mẫu giáo nhằm giảm tải sức lao động cho giáo viên và cấp dưỡng.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 06/06.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/06.

# Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội

**Mở đầu**:

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh đúng quy trình và hoạt động đúng theo quy định. Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn chủ động phối hợp với nhà trường thực hiện tốtcông tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo đúng kế hoạch đề ra.

Trường Mầm non 2/9 thực hiện tốt công tác phối hợp ba môi trường giáo dục: Nhà trường, gia đình và xã hội, đó là tiền đề giúp nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Nhà trường có mối quan hệ tốt với địa phương, chủ động tham mưu với cấp ủy địa phương, các ban ngành có sự phối hợp tốt với công an, dân quân trong việc đảm bảo an ninh trật tự trường học.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Đầu năm học, nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh ở 20 nhóm, lớp để bầu ra Ban đại diệncha mẹ học sinh ở mỗi nhóm lớp gồm 03 thành viên (01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 thư ký). Sau đó, nhà trường tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh và thống nhất bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh ở trường gồm 05 người (01 trưởng ban, 01 phó ban và 03 thành viên). Trong 5 năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận, thống nhất cao, chủ động phối hợp giữa nhà trường, địa phương và cha mẹ học sinh đúng theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động theo năm học. Kế hoạch hoạt động được xây dựng dựa trên tình hình thực tế của nhà trường đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp cha mẹ học sinh và buổi họp Đại hội đại biểu Ban đại diện cha mẹ học sinh đầu năm [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua họp đầu năm học, bản tin của trường, lớp và thông qua việc trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm của từng nhóm lớp [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinhphối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-02].Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của lớp, vận động cha mẹ trẻ tham dự nghe bác sĩ báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ học sinh về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Tuy nhiên nhà trường chưa tuyên truyền, phổ biến hiệu quả về thực hiện chính sách của Hội đồng nhân dân Thành phố để tuyển nhân viên nuôi dưỡng (Theo Nghị Quyết 04/2017/ NQ-HĐND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2017, Nghị quyết vế chính sách thu hút giáo viên mầm non trên đại bàn Thành phố Hồ Chí Minh) đểnâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng cho trẻ vì thế hiện nay nhà trường chưa tuyển được nhân viên nuôi dưỡng[H4-4.1-02].

Mức 3:

Trong nhiều năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinhhoạt động theo kế hoạch đề ra, phối hợp với nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh[H4-4.1-01].Tuy nhiên, đa số phụ huynh là công nhân lao động nên việc vận động hỗ trợ kinh phí cho công tác vận động xã hội hoá giáo dục chưa cao. Một số phụ huynh chưa có nhiều thời gian chăm sóc, đưa đón con đến trường chủ yếu là ông bà chăm sóc, đưa đón nên ít tham gia vào các cuộc họp và hoạt động của nhà trường

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường và hoạt động theo Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh .

**3. Điểm yếu**

Các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa phối hợp tốt với các tổ chức xã hội vànhà trường chưa tuyên truyền, phổ biến hiệu quả về thực hiện chính sách của Hội đồng nhân dân Thành phố để tuyển nhân viên nuôi dưỡng (Theo Nghị Quyết 04/2017/ NQ-HĐND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2017, Nghị quyết vế chính sách thu hút giáo viên mầm non trên đại bàn Thành phố Hồ Chí Minh)”.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ tiếp tục duy trì và nâng chất hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Hiệu trưởng cùng với ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức họp phụ huynh vào ngày nghỉ cuối tuần để cha mẹ học sinh tham gia đầy. Đẩy mạnh công tác phối hợp tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ cụ thể về thực hiện chính sách của Hội đồng nhân dân Thành phố để tuyển nhân viên nuôi dưỡng (Nghị Quyết 04/2017/ NQ-HĐND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2017, Nghị quyết vế chính sách thu hút giáo viên mầm non trên đại bàn Thành phố Hồ Chí Minh) đểnâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng cho trẻ trong năm học 2020-2021

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3

# *Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường*.

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện các chính sách về giáo dục mầm non, chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn về kế hoạch và các biện pháp phát triển nhà trường đồng thời phối hợp phổ cập địa phương để điều tra số liệu trẻ trong độ tuổi nhằm có kế hoạch thu nhận trẻ[H1-1.1-01]; [H1-1.1-03].

Trường Mầm non 2/9 đã tuyên truyền đến phụ huynh thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, loa phát thanhxã Thới Tam Thôn, bảng tin trường, bảng thông báo nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm của cha mẹ học sinh về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường như: Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; kế hoạch tuyển sinh; kế hoạch năm học; an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự... Ngoài ra, giáo viên ở các lớp còn tuyên truyền nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, phòng chống bạo hành, phòng chống dịch bệnh thông qua bản tin lớp,các buổi họp phụ huynh, sổ bé ngoan, sổ liên lạc, trao đổi trực tiếp giữa giáo viên và phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ,...[H4-4.2-01].

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức cá nhân đúng quy định, năm học 2019-2020 đã huy động mạnh thường quân hỗ cho nhà trường 1 tủ lạnh trữ thực phẩm chờ chế biến, 1 hệ thống lộc nước nấuăn và 1 máy ozon khử khuẩn trái cây. Tuy nhiên, chưa huy động được nhiều các nguồn lực từ phụ huynh[H4-4.2-04].

Mức 2:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển,trình Ủy ban nhân dân xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn hỗ trợ mua sắm, bổ sung trang thiết bị, cải tạo môi trường thực hiện kế hoạch trường đạt chất lượng giáo dục và Chuẩn Quốc gia theo kế hoạch[H1-1.1-01];[H4-4.2-02].

Nhà trường phối hợp với Đảng ủy, Đoàn Thanh niên để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch: Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường, Trung Thu, Tết và mùa xuân, Quốc tế thiếu nhi, ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam, Ngày thương binh liệt sĩ 27/7... phù hợp với truyền thống của địa phương [H4-4.2-03]

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền và phốp hợp các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối với các tổ chức, đoàn thể thực hiện kế hoạch giáo dục, hoạt động lễ hội huy động các nguồn lực tạo điều kiện cho nhà trường phát triển.

**3. Điểm yếu**

Chưa huy động được nhiều các nguồn lực từ phụ huynh.

Chưa có kế hoạch tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền và phốp hợp các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019- 2020,nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy động nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Kết luậnvề Tiêu chuẩn 4:**

**Điểm mạnh nổi bật**

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đàotạo ban hành và đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền, phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh, trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

**Điểm yếu cơ bản**

Chưa huy động được nhiều các nguồn lực từ phụ huynh cũng như nhà trường chưa tuyên truyền, phổ biến hiệu quả về thực hiện chính sách của Hội đồng nhân dân Thành phố để tuyển nhân viên nuôi dưỡng (Nghị Quyết 04/2017/ NQ-HĐND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2017, Nghị quyết vế chính sách thu hút giáo viên mầm non trên đại bàn Thành phố Hồ Chí Minh) đểnâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng cho trẻ vì thế hiện nay nhà trường chưa tuyển được nhân viên nuôi dưỡng.

Chưa có kế hoạch tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền và phốp hợp các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 02/02

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/02

# Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

**Mở đầu**:

Nhà trường tổ chức các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với điều kiện của nhà trường và đặc điểm tâm sinh lý của trẻ ở các lớp.

Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện cho trẻ trong các hoạt động giúp trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi. Giáo viên chăm sóc trẻ tận tình, chu đáo, giúp trẻ tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp, có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường và hình thành cho trẻ có thói quen tốt trong giữ gìn vệ sinh cá nhân, tạo tiền đề vững chắc cho trẻ chuẩn bị vào lớp Một.

# *Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non*

Mức 1:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức1:

Đầu năm Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của trường Mầm Non 2/9 theo năm, tháng, tuần và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-03]. Dựa trên kế hoạch của trường giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của lớp có nội dung cụ thể phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính khoa học theo nguyên tắc đồng tâm đi từ dễ đến khó, tính liên thông giữa các độ tuổi đúng theo Chương trình giáo dục mầm non quy định [H1-1.8-01].

Thông qua các buổi họp tổ chuyên môn nhà trường hướng dẫn, chỉ đạo các tổ thảo luận, đóng góp ý kiến điều chỉnh kế hoạch giáo dục để phát triển trong chương trình giáo dục mầm non, phù hợp tình hình thực tế của đơn vị, khả năng của trẻ ở từng lớp, đúng với sự chỉ đạo của Phòng Mầm non Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn[H1-1.4-06].

Trong quá trình tổ chức cho trẻ học tập, vui chơi và các sinh hoạt khác trong ngày, giáo viên ở lớp luôn quan sát, nhận xét đánh giá sự phát triển của trẻ theo hằng ngày, hằng tháng, hằng quý. Trên cơ sở đó giúp giáo viên kịp thời điều chỉnh và bổ sung nội dung vào kế hoạch giáo dục cho giai đoạn tiếp theo để phù hợp với trẻ tại lớp [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]. Bên cạnh đó, cán bộ quản lý nhà trường duy trì việc kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua kiểm tra kế hoạch giáo dục; dự giờ đột xuất, báo trước nhằm giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời trong quá trình giảng dạy để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ[H1-1.4-06]; [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ đúng theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Trong quá trình giảng dạy, đội ngũ giáo viên linh hoạt trong phương pháp, sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy…giúp trẻ hứng thú tích cực tham gia học tập, phát triển toàn diện các lĩnh vực theo từng độ tuổi. Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường trong những năm qua được đánh giá mang tính khả thi, đảm bảo về chất lượng đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành học [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Hằng nămnhà trường có bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên lựa chọn các mục tiêu, nội dung giáo dục để Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hoá đại phương, đáp ứng khả năng và nhucầu của trẻ tại nhóm, lớp [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Mức 3:

Nhà trường có tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định. Tuy nhiên, nhà trường chỉtham khảo học tậpkhông áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.[H1-1.8-01].

Hằng năm, nhà trường có tổ chức đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của giáo viên thông qua buổiHội nghị sơ kết học kỳ I, tổng kết năm học, qua đó đội ngũ cán bộ quản lý chỉ ra những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện giảng dạy của giáo viên từ đó có biện pháp điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục tại lớp nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ[H1-1.1-04]; [H1-1.1-07]; [H1-1.4-06]; [H1-1.7-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có tổ chức thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch đảm bảo chất lượng phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục; điều kiện nhà trường phù hợp với văn hóa địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Nhà trường luôn định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của các lớp để chỉ ra những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện giảng dạy của giáo viên từ đó có biện pháp điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục tại lớp nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường không áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đúng kế hoạch đề ra đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em, phù hợp với văn hoá địa phương. Hiệu trưởng chỉ đạotổ chuyên môn thường xuyên dự giờ, tổ chức các buổi họp để giúp đồng nghiệp trong tổ xây dựng và điều chỉnh kế hoạch, nội dung giáo dục đúng với tinh thần chỉ đạo của ngành học, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đặc điểm của trẻ ở lớp nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị. Cán bộ quản lý nhà trường tham gia học tập, nắm bắt kịp thời và làm theo sự chỉ đạo trong việc áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình Giáo dục và Đạo tạo hiện nay.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ***

Mức 1:

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

*Mức 3:*

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Đội ngũ giáo viên biết dựa vào nội dung Chương trình giáo dục mầm non, mục tiêu cuối độ tuổi, bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi để lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trẻ, từ đó xây dựng giáo án với các hoạt động, phương pháp phù hợp với mục tiêu và khả năng của trẻ ở lớp [H1-1.8-01]. Đối với trẻ nhà trẻ giáoviên biết linh hoạt chọn lựa phương pháp giao tiếp để thể hiện sự yêu thương gắn bó giữa người lớn với trẻ, qua đó giúp trẻ được giao lưu cảm xúc, kích thích sự phát triển các giác quan. Đối với trẻ mẫu giáo, giáo viên luôn vận dụng linh hoạt nhiều phương pháptrong một giờ hoạt động tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi khám phá môi trường xung quanh, qua đó giúp trẻ hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và phát triển những kĩ năng sống cần thiết phù hợp lứa tuổi[H5-5.1-01].

Căn cứ vào điều kiện nhà trường, nhu cầu vui chơi học tập của học sinh, hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm nhằm phát huy tính đọc lập, khả năng sáng tạo của trẻ [H3-3.2-01]; [H3-3.1-03];[H5-5.1-01].

Dựa vào kỹ năng của trẻ ở lớp, dựa vào điều kiện thực tế của nhà trườngđội ngũ giáo viên đã linh hoạt lựa chọn nhiềuphương pháp,hình thứcgiáo dục phù hợp độ tuổi, qua đó kích thích sự hứng thú, tham gia tích cực trong học tập, giúp trẻ tiếp thu kiến thức, hình thành các kỹ năng cơ bản[H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Mức 2 :

Với điều kiện thực tế tại đơn vị, nhà trường đã triển khai cho giáo viên tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ được giáo viên đưa vào kế hoạch năm, tháng, tuần của mình và áp dụng tổ chức được trẻ tham gia tích cực hứng thú [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Nhà trường luôn đổi mới môi trường hoạt động trong và ngoài lớp học như: sắp xếp, trang trí không gian học tập của trẻ hợp lý, thẩm mỹ, thân thiện đối với trẻ; các khu vực chơi cho trẻ được thiết kế phù hợp, sắp xếp thuận tiện, đa dạng đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đảm bảo an toàn, sạch đẹpkích thích hứng thú của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “Chơi mà học, học bằng chơi” đã đem lại hiệu quả đáp ứng khả năng nhu cầu vui chơi, trải nghiệm, khám phá của trẻ [H5-5.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức đa dạng đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường. Tổ chức tốt môi trường giáo dục trong và ngoài lớp theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ, tạo nhiều cơ hội cho trẻtăng cường tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa tổ chức được nhiều chuyến tham quan, trải nghiệm ở nơi xa.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ duy trì cải tạo môi trường thiên nhiên để tăng cường cho trẻ được hoạt động, tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với lứa tuổi, khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy thu hút trẻ vào các hoạt động hiệu quả hơn. Giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh để phụ huynh hiểu và đồng thuận trong việc về đóng góp hỗ trợ đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị để hỗ trợ giáo viên tổ chức tốt môi trường hoạt động cho trẻ

Cán bộ quản lý có kế hoạch phối hợp với cha mẹ học sinh để tổ chức tốt nhất các chuyến tham quan, trải nghiệm cho trẻ hoặc mời chuyên gia đến, hướng dẫn trẻ thực hành một số hoạt động thực hành, khám phá tại trường.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3

# *Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ*

Mức 1:

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

*Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho trẻ. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với Trạm y tế xã Thới Tam Thôn chăm lo sức khỏe cho bé như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng,chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ[H1-1.5-04]; [H5-5.3-01].

Nhà trường có 580/580 tỷ lệ 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, cân nặng, cân đo chiều cao theo quy định được trích từ nguồn kinh phí của đơn vị [H1-1.5-04]100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng trong sổ sức khỏe[H5-5.3-02].

100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân - béo phì, kết hợp cho trẻ tăng cường vận động mỗi sáng theo lịch vận động dư cân. Năm học 2018-2019, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là: 90/652 trẻ, tỉ lệ: 13,38%, đầu ra là: 61/648 trẻ, tỉ lệ: 9,41%; phục hồi 29/90 trẻ, tỉ lệ: 4,47%; Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là:13/652 trẻ, tỉ lệ: 1,99%, đầu ra là:6/648 trẻ, tỉ lệ: 0,92%; phục hồi 7/13 trẻ, đạt tỷ lệ: 1,08%; số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 14/652 trẻ, tỉ lệ: 2,14%, đầu ra là 5/648 trẻ, tỉ lệ: 0,77%; phục hồi 9/14 trẻđạt tỷ lệ: 1.38%; số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi đầu vào là: 7/652 trẻ, tỉ lệ: 1,07%, đầu ra là:3/648 trẻ, tỉ lệ: 0,46%; phục hồi 4/7 trẻ, tỉ lệ: 0,61% [H1-1.5-04]; [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường có tổ chức tư vấn, tuyên truyền, hướng dẫn cho cha mẹ học sinh với nội dung mang tính khả thi: Chế độ ăn của trẻ, phòng chống dịch bệnh theo mùa. Nhà trường phối hợp với công ty sữa NUTIFOODmời bác sĩ ở Trung tâm dinh dưỡngbáo cáo chuyên đề lần 1 “Các biện pháp giúp trẻ cân bằng thể chất”; lần 2 “Phòng chống béo phì, phòng bệnh sởi ở trẻ”; tuyên truyền tư vấn cho phụ huynh về chế độ dinh dưỡng cho trẻ, và các loại bệnh phổ biến hiện nay: Tay chân miệng, sốt xuất huyết, bệnh sởi [H5-5.3-01].

Chế độ dinh dưỡng của trẻ ở trường cân đối, hợp lý, đảm bảo theo quy định.Sử dụng phần mềm dinh dưỡng Vietech để tính khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ trong ngày, thực đơn đa dạng, phong phú và được thay đổi theo mùa, lượng nước uống cho trẻ trong ngày đảm bảo theo quy định[H5-5.3-02].

Thông quakết quả đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ đầu năm học, học kỳ 1, học kỳ 2 100% trẻ suy dinh dưỡng thừa cân béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp [H1-1.7-03]; [H5-5.3-01].

Mức 3:

Đầu năm 2018-2019 nhà trường thực hiện đo chiều cao, cân nặng cho 652 trẻ, số lượng trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường 535/652, tỷ lệ 82.05%. Bộ phận chuyên môn có kế hoạch can thiệp chế độ dinh dưỡng, chế độ vận động đối với trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, trẻ thừa cân béo phì đến thời điểm báo cáo số lượng trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường tăng lên so với đầu năm 584/648tỷ lệ 90.12% [H5-5.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhàtrường thực hiện tốt công tác phối hợp với trạm y tế xã Thới Tam Thôn, cha mẹ học sinh để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ, luôn đảm bảo cân đối nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo quy định, có phương án can thiệp trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, trẻ thừa cân được cải thiện tốt hơn với đầu năm, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cân nặng được giảm cao so với đầu năm.

**3. Điểm yếu**

Trẻ thừa cân béo phì chiếm tỷ lệ cao 9,41% .

Sĩ số học sinh không ổn định do địa bàn có nhiều dân cư ở trọ và thường xuyên thay đổi chỗ ở, nên ảnh hưởng đếnsố liệu cân đo của trẻ so với đầu năm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019-2020nhà trường trang bị thêm đồ dùng đồ chơi nhằm tăng cường cho trẻ vận động tại các khu vực sảnh và sân chơi. Điều chỉnh thực đơn và khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ thừa cân béo phì. Tuyên truyền đến cha mẹ trẻ chế độ dinh dưỡng hợp lý. Nâng cao nhận thức cho giáo viên về chăm sóc trẻ thừa cân béo phì qua các buổi sinh hoạt chuyên môn.

Nhà trường sẽ có kế hoạch tuyển sinh đầu vào đúng tuyến, đúng diện thường trú, tạm trú có sổ.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

# *Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục*

Mức 1:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Giáo viên phối hợp tốt với cha mẹ học sinh và quản lý trẻ hằng ngày; khi trẻ vắng không phép, giáo viên chủ động liên hệ với cha mẹ học sinh để biết lý do trẻ nghỉ học. Trẻ đi học chuyên cần 236/248 trẻ đạt 95,16 % đối với trẻ 5 tuổi, trẻ lứa tuổi khác đạt 90,12%. Một số trẻ còn nghỉ học do cha mẹ cho trẻ về quê, tham quan du lịch [H1-1.1-04].

 Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục mầm non dành cho trẻ 5 tuổi theo quy định. Cuối năm 2018-2019 nhà trường đạt 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Qua đó giúp trẻ phát triển các chức năng tâm sinh lý, những kỹ năng sống cần thiết và phù hợp với lứa tuổi nhằm chuẩn bị tốt tâm lý cho trẻ vào lớp Một [H5-5.4-01].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập, không có trẻ có hoàn cảnh khó khăn học tại trường.

 Mức 2:

Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 95,16%; trẻ dưới 5 tuổi 86% .

Nhà trường đạt 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non[H1-1.1-04]; [H5-5.4-01].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 3:

Năm học 2018-2019 nhà trường đạt 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H1-1.1-04]; [H5-5.4-01].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hoà nhập.

1. **Điểm mạnh**

Trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá thường xuyên theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, qua bảng tổng hợp đánh giá trẻ 5 tuổi hàng tháng của giáo viên tại lớp và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.

**3. Điểm yếu**

Trẻ còn nghỉ học do cha mẹ cho trẻ về quê, tham quan du lịch nên tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi còn thấp (86%).

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục duy trì việc theo dõi đánh giá thường xuyên theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Năm học 2019- 2020tăng cường công tác tuyên truyền vận động phụ huynh cho trẻ đi học thường xuyên, để nâng cao tỷ lệ chuyên cần của trẻ hơn nữa. Nhà trường có kế hoạch tiếp nhận trẻ khuyết tật học hòa nhập khi phụ huynh có nhu cầu, tạo điều cho giáo viên được tập huấn chương trình dạy trẻ khuyết tật để giáo viên có kiến thức áp dụng vào giảng dạy khi lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

# Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

**Điểm mạnh nổi bật**

Trẻ được phát triển tốt về thể chất và tinh thần theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đa số trẻ có nề nếp, thói quen, kỹ năng tốt trong các hoạt động học tập, vui chơi, lao động vệ sinh. Trẻ mạnh dạn, tự tin, tích cực tham gia vào các hoạt động.

 Nhà trường thực hiện tốt chế độ ăn uống hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng và có tổ chức cho trẻ béo phì luyện tập bằng nhiều hình thức phong phú phù hợp theo độ tuổi.

Nhà trường thực hiện tốt công tác vận động trẻ ra lớp và duy trì sĩ số học sinh, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và hằng năm đều có báo cáo kết quả về nội dung đánh giá trẻ.

**Điểm yếu cơ bản**

Trẻ thừa cân béo phì chiếm tỷ lệ cao9,41%.

Nhà trường không áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.**

# Phần III

#  KẾT LUẬN CHUNG

Trong thực hiện báo cáo tự đánh giá đã giúp trường Mầm non 2/9 một lần nữa khẳng định với xã hội, với phụ huynh và các cơ quan quản lý cấp trên về chất lượng, năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại đơn vị.

Qua tự đánh giá tại đơn vị, kết quả đạt được qua các chỉ báo, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dụcvà chuẩn quốc gia như sau:

- Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt Mức 1: 25/25 tỉ lệ: 100%.

- Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25 tỉ lệ: 0%.

- Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt Mức 2: 25/25 tỉ lệ: 100%.

- Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí không đạt Mức 2: 00/25 tỉ lệ: 0%.

- Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt Mức 3: 07/19 tỉ lệ: 36,84%.

- Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí không đạt Mức 3: 12/19 tỉ lệ: 63,16%.

- Mức đánh giá của trường Mầm non 2/9: Mức 2

- Trường mầm non 2/9 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 vàchuẩn quốc gia Mức độ 1./.

 *Hóc Môn,ngày 01tháng 6 năm 2020*

 **HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Thị Chí Hiếu**

PHẦN IV: PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số TT** | **Mãminh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú****(nơi lưu trữ)** |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | Hồ sơ phát triển xây dựng nhà trường (Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Biên bản họp xây dựng phát triển nhà trường.) | Kế hoạch 141/KH-MN2/9 ngày 05/9/2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.1-02] | Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội xã Thới Tam Thôn 5 năm 2016-2020. | Số 1454/KH-UBND ngày 26/7/2016 | Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn | Văn thư |
| 3 | [H1-1.1-03] | Kế hoạch năm học. | Số 107/KH-MN2/9 ngày 09/09/2014Số 118/KH-MN2/9 ngày 15/9/2015Số 85/KH-MN2/9 ngày 20/9/2016Số 162/KH-MN2/9 ngày 15/9/2017Số 161/KH-MN2/9 ngày 15/9/2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.1-04] | Báo cáo tổng kết năm học. | Số 45/BC-MN2/9 ngày 19/5/2015Số 47/BC-MN2/9 ngày 19/5/2016Số 54/BC-MN2/9 ngày 15/5/2017Số 63/BC-MN2/9 ngày 18/5/2018Số 61/BC-MN2/9 ngày 19/5/2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.1-05] | Hình ảnh công khai: Phương chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường tại bảng tin. | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.1-06] | Sổ họp liên tịch nhà trường. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 7 | [H1-1.1-07] | Sổ họp Hội đồng sư phạm nhà trường. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | Hồ sơ Hội đồng trường (Quyết định thành lập Hội đồng trường; biên bản họp; biên bản kiểm tra giám sát hoạt động trường…). | Số 216/QĐ-GDĐT ngày 06 /11/2014Số 101/QĐ-GDĐT ngày 22 /9/2017 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.2-02] | Hồ sơ Hội đồng thi đua khen thưởng. | Số 128/QĐ-MN2/9 ngày 17/09/2014Số 139/QĐ-MN2/9 ngày 25/9/2015Số 111/QĐ-MN2/9 ngày 15/9/2016Số 123/QĐ-MN2/9 ngày 12/9/2017Số 111/QĐ-MN2/9 ngày 01/9/2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.2-03] | Hồ sơ Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.2-04] | Hồ sơ Hội đồng chấm giáo viên giỏi. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Hồ sơ Công đoàn (Quyết định chuẩn y Ban chấp hành công đoàn; Nghị quyết công đoàn; kế hoạch hoạt động công đoàn; biên bản họp công đoàn; hồ sơ tổ công đoàn; hồ sơ nữ công; hình ảnh cán bộ, giáo viên, nhân viên tham quan hè). | Số 56/QĐ-LĐLĐ ngày 04/02/2015Số 479/QĐ-LĐLĐ ngày 28/12/2017Số 211/QĐ-LĐLĐ ngày 06/9/2019 | Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn | Chủ tịch công đoàn |
| 2 | [H1-1.3-02] | Hồ sơ Chi đoàn (Quyết định chuẩn y Ban chấp hành chi đoàn; Nghị quyết chi đoàn; kế hoạch hoạt động chi đoàn; Biên bản họp chi đoàn). | Số 01/QĐ-ĐTN ngày 15/12/2014Số 07/QĐ-ĐTN ngày 15/12/2015Số 07/QĐ-ĐTN ngày 15/12/2016Số 18/QĐ-ĐTN ngày 20/12/2017Số 18/QĐ-ĐTN ngày 20/12/2018 | Chi đoàn xã Thới Tam Thôn | Bí thư chi đoàn |
| 3 | [H1-1.3-03] | Hồ sơ khuyến học | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.3-04] | Hồ sơ hội chữ thập đỏ | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Y tế |
| 5 | [H1-1.3-05] | Hồ sơ chi bộ (Quyết định chuẩn y chi ủy; kế hoạch hoạt động chi bộ; kế hoạch chuyên đề; sổ họp). | Số 50-QĐ/ĐU ngày 17/7/2017Số 76-QĐ/ĐU ngày 08/11/2017Số 163-QĐ/ĐU ngày 26/7/2019 | Đảng ủy xã Thới Tam Thôn | Bí thư chi bộ |
| 6 | [H1-1.3-06] | Giấy khen Chi bộ. | Số 1262/QĐ-UBNDngày 26/9/2017Số 848/QĐ-UBNDngày 05/10/2018Số 4978/QĐ-UBNDngày 02/11/2018Số 813/QĐ-UBNDngày 09/10/2019Số 203-QĐ/ĐUngày 13/01/2020 | Đảng ủy, UBND cấp trên | Phòng họp |
| 7 | [H1-1.3-07] | Giấy khen Công đoàn. | Số 357/2014/QĐ-KT-CĐGD ngày 10 /7/ 2014Số 273/QĐ-KT ngày22 /7 / 2015Số 213/QĐKT-CĐGD ngày 11/11/2019Số 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 | Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn; Liên đoàn lao động Thành phố Hồ Chí Minh; Công đoàn Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh | Phòng họp |
| 8 | [H1-1.3-08] | Giấy khen Chi đoàn. | Số 05/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 | Chi đoàn xã Thới Tam Thôn | Phòng họp |
|  | 9 | [H1-1.3-09] | Giấy khen Hội khuyến học. | Số 8464/QĐ-UBND ngày 01/12/2014Số 760/QĐ-UBND ngày 08/10/2015Số 7856/QĐ-UBND ngày 09/12/2015Số 629/QĐ-UBND ngày 15/02/2017Số 5564/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 | Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn | Phòng họp |
| 10 | [H1-1.3-10] | Giấy khen Hội chữ thập đỏ | Số 4489/QĐ-UBND ngày 13/07/2015 | Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn | Phòng họp |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Quyết định công nhận trường hạng I | Năm học 2014-2015: Số 7365/QĐ-UBND cấp ngày 15/10/2014- Năm học 2015-2016: Số 8338/QĐ-UBND cấp ngày 24/12/2015- Năm học 2016-2017: Số 6844/QĐ-UBND cấp ngày 19/12/2016- Năm học 2017-2018: Số 166/QĐ-UBND cấp ngày 23/01/2018- Năm học 2018-2019: Số 5402/QĐ-UBND cấp ngày 11/12/2018 | Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.4-02] | Hồ sơ cá nhân của Hiệu trưởng (Quyết định bổ nhiệm; văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng; giấy khen). | Số 953/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 | Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn | Văn thư |
| 3 | [H1-1.4-03] | Hồ sơ cá nhân của phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (Quyết định bổ nhiệm; văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng, giấy khen). | Số 380/QĐ-UBND ngày 13/8/2008 | Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn | Văn thư |
| 4 | [H1-1.4-04] | Hồ sơ cá nhân của phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng (Quyết định bổ nhiệm; văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng, giấy khen). | Số 08/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 | Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn | Văn thư |
| 5 | [H1-1.4-05] | Hồ sơ Quyết định, phân công phân nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 6 | [H1-1.4-06] | Hồ sơ tổ chuyên môn, tổ văn phòng (Quyết định tổ chuyên môn, tổ văn phòng; kế hoạch hoạt động tổ; biên bản họp tổ). | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng; Tổ trưởng chuyên môn | Văn thư |
| 7 | [H1-1.4-07] | Hồ sơ chuyên đề cấp trường, cấp huyện. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Laptop ổ D |
| 8 | [H1-1.4-08] | Hình ảnh sinh hoạt tổ chuyên môn.Hồ sơ tổ chuyên môn | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Tổ trưởng chuyên môn | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục,Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Bảng thống kê nhóm lớp. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 2 | [H1-1.5-02] | Sổ điểm danh học sinh. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Kế toán  | Kế toán  |
| 3 | [H1-1.5-03] | Hồ sơ tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo ( hồ sơ quản lý trẻ em,sổ theo dõi trẻ) | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 4 | [H1-1.5-04] | Hồ sơ tuyển sinh (Kế hoạch tuyển sinh của Ủy ban nhân dân huyện, Kế hoạch tuyển sinh của trường, danh sách học sinh theo độ tuổi). | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019Năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Hồ sơ văn thư (sổ công văn đến, sổ công văn đi, hồ sơ lưu công văn đi, đến). | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Văn thư | Văn thư |
| 2 | [H1-1.6-02] | Biên bản kiểm tra tài chính của các cấp có thẩm quyền. | Năm 2014 Năm 2015Năm 2016Năm 2017Năm 2018Năm 2019 | Phòng Tài chính huyện Hóc Môn | Kế toán |
| 3 | [H1-1.6-03] | Hồ sơ kế toán (Quyết định; dự toán; các chững từ; xây dựng mua sắm; quản lý tài sản, tài chính; bảng chi lương cho đội ngũ; hóa đơn mua đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị; chính sách miễn giảm thuế; phiếu thu chi). | Năm 2014 Năm 2015Năm 2016Năm 2017Năm 2018Năm 2019 | Kế toán | Kế toán |
| 4 | [H1-1.6-04] | Hồ sơ Quy chế chi tiêu nội bộ. | Năm 2014 Năm 2015Năm 2016Năm 2017Năm 2018Năm 2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởngKế toán |
| 6 | [H1-1.6-05] | Hợp đồng phần mềm IMAS. | Năm 2014 Năm 2015Năm 2016Năm 2017Năm 2018Năm 2019 | Kế toán | Kế toán |
| 7 | [H1-1.6-06] | Biên bản kiểm kê tài sản | Năm 2014 Năm 2015Năm 2016Năm 2017Năm 2018Năm 2019 | Kế toán | Kế toán |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của hai phó hiệu trưởng. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên. | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên |
| 2 | [H1-1.7-02] | Hồ sơ chuyên môn của phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (Kế hoạchnăm, tháng, tuần; sổ họp chuyên môn; hồ sơ chấm thi tay nghề; hồ sơ dự giờ; biên bản kiểm tra). | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| 3 | [H1-1.7-03] | Hồ sơ chuyên môn của phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng (Kế hoạt năm, tháng, tuần; kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng; sổ họp chuyên môn; hồ sơ chấm thi tay nghề; hồ sơ dự giờ; biên bản kiểm tra; hồ sơ bán trú). | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| 4 | [H1-1.7-04] | Kế hoạch học Bồi dưỡng thường xuyên | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Giáo viên | Giáo viên |
| 5 | [H1-1.7-05] | Hình ảnh tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn do phòng , sở tổ chức. | Năm học 2018-2019 | Văn thư | Văn thư |
| 6 | [H1-1.7-06] | Hồ sơ phòng chống cháy nổ (Phương án phòng chống cháy nổ; biên bản kiểm tra phòng chống cháy nổ; hình ảnh đội ngũ tham gia phòng chống cháy nổ; giấy chứng nhận nhân viên, giáo viên tham gia khóa học công tác cứu nạn, cứu hộ). | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 7 | [H1-1.7-07] | Giấy chứng nhận tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm của nhân viên nấu ăn. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Trung tân y tế dự phòng huyện Hóc Môn | Y tế |
|  | 8 | [H1-1.7-08] | Sổ tài sản các lớp. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Giáo viên | Giáo viên |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Hồ sơ giáo viên (Kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần, giáo án) | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Giáo viên | Giáo viên |
| 2 | [H1-1.8-02] | Hồ sơ theo dõi đánh giá trẻ. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| 3 | [H1-1.8-03] | Biên bản kiểm tra đánh giá chất lượng nuôi dạy.Giấy khen giáo viên đạt giải hội thi giáo viên giỏi | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dụcPhó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dụcPhó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | [H1-1.9-01] | Hồ sơ Hội nghị cán bộ công nhân viên chức. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.9-02] | Báo cáo thực hiệncông tác quy chế dân chủ cơ sở. | Năm học 2016-2017Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.9-03] | Hồ sơ Ban thanh tra nhân dân ( Hoạt động Ban thanh tra nhân dân,biên bản, báo cáo giám sát) | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Ban thanh tra nhân dân | Ban thanh tra nhân dân |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Phương án, biên bản, hình ảnh đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Quy chế phối hợp công an xã Thới Tam Thôn về phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.10-02] | Phương án, biên bản, hình ảnh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| 3 | [H1-1.10-03] | Phương án, biên bản, hình ảnh phòng chống tai nạn thương tích.Quyết đinh công nhận trường học an toàn | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng chămsóc nuôi dưỡng |
| 4 | [H1-1.10-04] | Phương án, biên bản, hình ảnh an toàn phòng chống dịch bệnh. Quy chế phối hợp Trạm y tế xã Thới Tam Thôn phòng chống dịch bệnh | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Y tế |
| 5 | [H1-1.10-05] | Phương án, biên bản, hình ảnh an toàn phòng chống tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường. | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.10-06] | Giấy chứng nhận bếp ăn đủ điều kiện an toàn thực phẩm. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Ủy ban nhân dân huyện Hóc MônCục an toàn thực phẩm thành phố | Y tế |
| 7 | [H1-1.10-07] | Hình ảnh hộp thư góp ý trước cổng trường. | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Hồ sơ đánh giá Chuẩn hiệu trưởng (Phiếu đội ngũ đánh giá Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng, phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; phiếu tổng hợp đánh giá…). | Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Hồ sơ hợp đồng lao động giáo viên, nhân viên.Đề án vị trí việc làm | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.2-02] | Danh sách giáo viên nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H2-2.2-03] | Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên (Phiếu đánh giá xếp lọai giáo viên…). | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H2-2.2-04] | Hồ sơ quản lý nhân sự (Sơ yếu lý lịch, văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng, giấy khen..). | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Kế toán |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | [H2-2.3-01] | Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.3-02] | Danh sách nhân viên nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | Hồ sơ nhà đất (Hồ sơ thiết kế xây dựng; sơ đồ tổng thể các khu vực sân chơi, bếp, khu hành chính trong nhà trường). | Năm 2008Năm 2017 | Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn | Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.1-02] | Hình ảnh biển tên trường và tường rào. | Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| 3 | [H3-3.1-03] | Hình ảnh từng khu vực chơi của trẻ (Có sân chơi, cây xanh, đồ chơi ngoài sân trường). | Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| 4 | [H3-3.1-04] | Danh mục đồ dùng – đồ chơi ngoài trời. | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | [H3-3.2-01] | Hình ảnh phòng học, phòng sinh hoạtchung và các phòng chức năng | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| 3 | [H3-3.2-02] | Hình ảnh phòng giáo dục nghệ thuật. | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| 4 | [H3-3.2-03] | Hình ảnh phòng giáo dục thể chất | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| **Tiêu chí 3.3** | 1 | [H3-3.3-01] | Hình ảnh khu hành chính quản trị. | Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| 2 | [H3-3.3-02] | Hình ảnh khu vực để xe. | Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | [H3-3.4-01] | Hình ảnh nhà bếp.Hình ảnh kho thực phẩm | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| 2 | [H3-3.4-02] | Hình ảnh tủ lưu mẫu thức ăn.Hồ sơ lưu mẫu 3 bước,phần mềm dinh dưỡng  | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Y tế | Y tế |
| 3 | [H3-3.4-03] | Sổ tài sản nhà bếp. | Năm học 2015-2016Năm học 2018-2019 | Y tế | Y tế |
| 4 | [H3-3.4-04] | Hồ sơ hợp đồng (Hợp đồng công ty nước uống; doanh nghiệp tư nhân dịch vụ về xử lý rác thải; công ty Viettel về cung cấp dịch vụ intetnet và nối mạng nội bộ). | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 5 | [H3-3.4-05] | Giấy xét nghiệm nước. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Cơ quan chức năng | Y tế |
| 6 | [H3-3.4-06] | Hình ảnh khu vực để gas. | Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| 7 | [H3-3.4-07] | Biên bản kiểm tra việc xử lý rác. | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Hình ảnh đồ chơi tự làm. | Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
| 2 | [H3-3.5-02] | Sổ báo hư tài sản. | Năm 2019 | Kế toán | Kế toán |
| 3 | [H3-3.5-03] | Kế hoạch phân công sửa chữa. | Năm học 2017-2018 đến năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H3-3.5-04] | Sổ theo dõi đồ chơi tự làm của giáo viên. | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Giáo viên | Giáo viên |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | [H3-3.6-01] | Hình ảnh hệ thống thoát nước ra cống rãnh; xử lý nước thải | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Y tế | Y tế |
| 2 | [H3-3.6-02] | Hình ảnh khu vực để rác của lớp, của nhà trường. | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Y tế | Y tế |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Hồ sơ ban đại diện cha mẹ học sinh (Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp - trường; biên bản họp cha mẹ học sinh lớp - trường; kế hoạch hoạt động; biên bản họp). | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.1-02] | Tài liệu, hình ảnh tuyên truyền (cách nuôi dạy con, chống bạo hành trẻ em, quyền trẻ em,phát thưởng học sinh xuất sắc, tặng quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các hoạt động lễ hội sự kiện...).Các văn bản pháp luật tuyên truyền.Hình ảnh báo cáo chuyên đề hàng năm. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Hình ảnh và bài tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, bản tin lớp. | Năm học 2016-2017Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Giáo viên | Giáo viên |
| 2 | [H4-4.2-02] | Hình ảnh cơ sở vật chất nhà trường trước và sau khi sửa chữa. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Kế toán |
| 3 | [H4-4.2-03] | Hình ảnh các lễ hội | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng  | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |
|  | 4 | [H4-4.2-04] | Biên bản nhận tài trợ | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | [H5-5.1-01] | Video clip về các hoạt động giờ học của trẻ. | Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 | Giáo viên | Giáo viên |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Hình ảnh các sản phẩm của trẻ. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Giáo viên | Giáo viên |
| **Tiêu chí 5.3** | 1 | [H5-5.3-01] | Hồ sơ y tế ( Bảng tổng hợp khám sức khoẻ; hồ sơ khám sức khoẻ cán bộ, giáo viên,nhân viên, cân đo...)Hình ảnh tổ chức uống vitamin A, chích ngừa ... | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Y tế | Y tế |
| 2 | [H5-5.3-02] | Sổ sức khoẻ của trẻ |  Năm học 2018 - 2019 | Giáo viên | Giáo viên |
| **Tiêu chí 5.4** | 1 | [H5-5.4-01] | Hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi. | Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | Văn thư |